

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

CHƯƠNG TRÌNH NUÔI TRỒNG THỦY SẢN TIÊN TIẾN

1. KẾT QUẢ HỌC TẬP MONG ĐỢI (Thầy TQ Phú: tqphu@ctu.edu.vn)

Chương trình đào tạo Nuôi trồng thủy sản tiên tiến được xây dựng vào năm 2008 nhằm hướng tới hội nhập quốc tế, đào tạo **lược** lượng cán bộ thủy sản chất lượng cao phục vụ cho việc thực hiện Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030 của quốc gia (Exh?. **Chiến lược phát triển thủy sản VN...**) và **nhu cầu của ĐBSCL. Để đảm bảo các mục tiêu trên Khoa Thủy sản đã khảo sát ý kiến đóng góp của các bên liên quan từ đó xác định kết quả học tập mong đợi cho CT một cách rõ ràng và phù hợp, được phê duyệt theo QĐ số... ngày... của (Exh. 1.1: QĐ ban hành Chuẩn đầu ra)**

1.1. Chương trình có kết quả học tập mong đợi được trình bày rõ ràng

Kết quả học tập mong đợi được xây dựng dựa trên quan điểm phân loại mục tiêu giáo dục theo thang tư duy của Bloom. Sau khi kết thúc khóa học, sinh viên có thể đạt được kết quả như sau:

- LO1: **Sử dụng** các kiến thức đại cương về khoa học tự nhiên (toán, hóa, sinh), ngư nghiệp, tin học, Anh văn để tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên ngành và học tập nâng cao trình độ.
- LO2: Hình thành nền tảng kiến thức chuyên nghiệp từ kiến thức cơ sở ngành (hình thái và phân loại sinh hóa, sinh lý, thái học của thủy sinh vật...) và kiến thức chuyên môn (dinh dưỡng và thức ăn, kỹ thuật sản xuất giống và nuôi thương phẩm, quản lý sức khỏe động vật thủy sản nuôi, quản lý chất lượng nước ao nuôi thủy sản...).
- LO3: **Thực hiện thành thạo** các kỹ thuật sản xuất giống và nuôi thương phẩm các loài có giá trị kinh tế (cá tra, cá đồng, tôm sú, tôm chân trắng và tôm càng xanh...)
- LO4: **Phân tích, đánh giá các vấn đề trong sản xuất thủy sản và đề ra giải pháp nâng cao chất lượng sản xuất thủy sản.**
- LO5: **Thiết kế qui trình** tổ chức, quản lý và vận hành cơ sở sản xuất thủy sản như trại giống, trại nuôi thương phẩm, kinh doanh dịch vụ thủy sản; quản lý môi trường và sức khỏe vật nuôi.
- LO6: **Phát triển kỹ năng giao tiếp, trao đổi, chia sẻ, hợp tác với người khác; xây dựng và củng cố các quan hệ với đối tác trong nước và quốc tế.**
- LO 7: **Am hiểu pháp luật và các vấn đề chính trị - xã hội đương đại, thực hiện các hành động nhằm bảo vệ môi trường và rèn luyện sức khỏe.**

– LO 8: Xây dựng và thực hiện các đề tài/dự án nghiên cứu khoa học.

Kết quả học tập mong đợi được phổ biến cho sinh viên qua buổi sinh hoạt đầu khóa và phổ biến cho các bên liên quan qua website của Trường Đại học Cần Thơ (Exh. 1.2: địa chỉ website đăng tải chuẩn đầu ra).

Chương trình đào tạo Nuôi trồng thủy sản tiên tiến được xây dựng dựa trên Chương trình Nuôi trồng thủy sản (Fisheries and Allied Aquaculture) của đại học Auburn (Hoa Kỳ), có sửa đổi cho phù hợp với điều kiện của Việt Nam, ngôn ngữ sử dụng để dạy và học là tiếng Anh (Exh. 1.3: Chương trình đào tạo chi tiết có so sánh với chương trình của ĐH Auburn). Do đó kết quả học tập mong đợi của chương trình hướng đến việc đào tạo ra những sinh viên có kiến thức sâu, kỹ năng giỏi, thái độ tốt nhằm thực hiện sứ mạng đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ của Trường Đại học Cần Thơ và của Khoa Thủy sản (thực hiện chức năng đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế và chuyển giao công nghệ cao nhằm phát triển kinh tế - xã hội khu vực Đồng Bằng Sông Cửu Long và cả nước). Kết quả học tập mong đợi của Chương trình Nuôi trồng thủy sản tiên tiến cũng hướng đến Tầm nhìn của Trường: “Đến năm 2020, trường Đại học Cần Thơ sẽ trở thành một trong những đơn vị hàng đầu thuộc khu vực Châu Á – Thái Bình Dương về chất lượng đào tạo, nghiên cứu và phát triển” (Exh.1.4: Brochure, Poster).

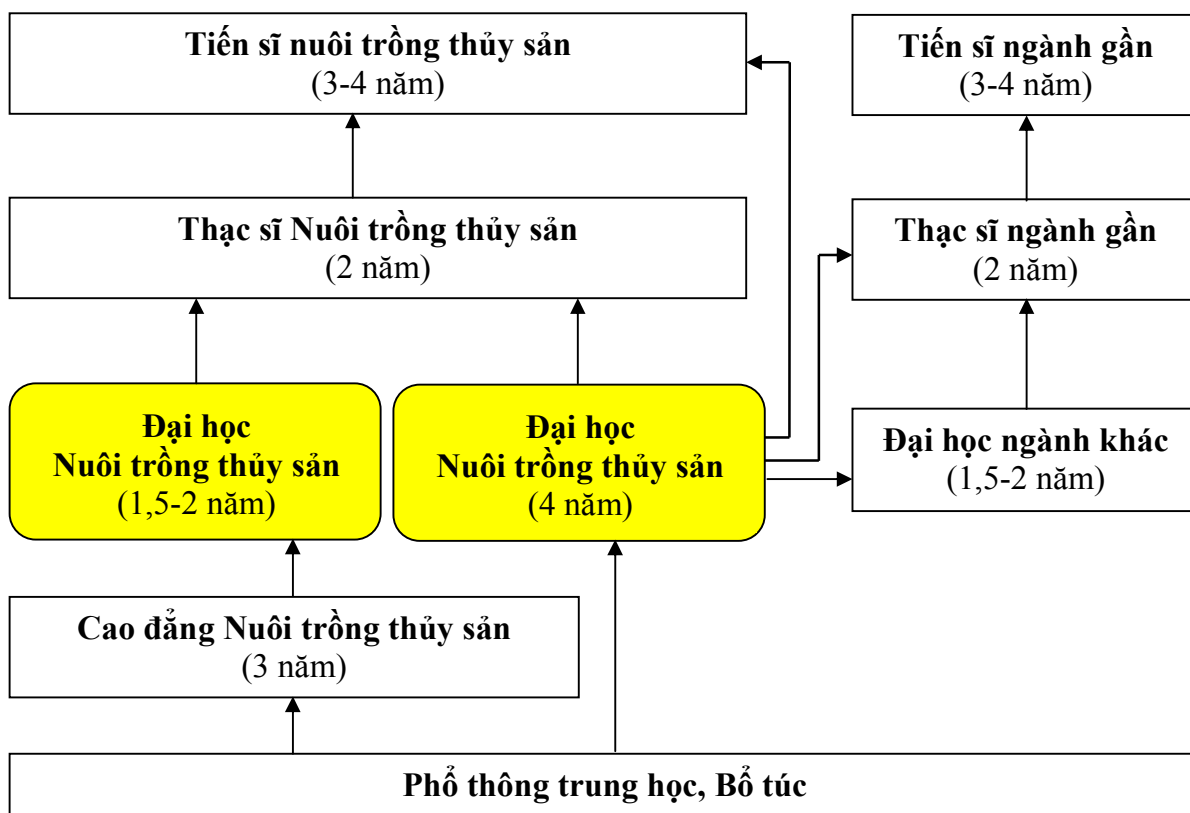
Bảng 1: Mối quan hệ giữa sứ mạng của Trường Đại học Cần Thơ và Khoa Thủy sản

Sứ mạng	Đại học Cần Thơ	Khoa Thủy sản
Đào tạo (dạy và học)	Xây dựng và phát triển Trường Đại học Cần Thơ thành trung tâm đào tạo mạnh của vùng ĐBSCL, năng lực, trình độ đào tạo đạt trình độ chung của các trường đại học trong khu vực và thế giới đối với một số ngành mũi nhọn.	Là một đơn vị mạnh về ĐT, của Trường Đại học Cần Thơ, đóng vai trò trung tâm về đào tạo nguồn nhân lực thủy sản cho cả nước. Trình độ đào tạo tương đương với các trường trong khu vực và trên thế giới
Nghiên cứu	Trường Đại học Cần Thơ là trung tâm nghiên cứu, phát triển và chuyển giao công nghệ tiên tiến	Chú trọng nghiên cứu cơ bản, đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ mới, tiên tiến về thủy sản

Phục vụ cộng đồng	Đại học Cần Thơ đóng góp ngày càng hữu hiệu vào sự nghiệp phát triển KHCN, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, nâng cao dân trí, phát triển văn hoá xã hội của, trở thành nhân tố động lực có ảnh hưởng mang tính quyết định đối với toàn bộ sự phát triển vùng ĐBSCL và cả nước.	Cung cấp nguồn nhân lực thủy sản chất lượng cao, chuyển giao các công nghệ mới, tiên tiến góp phần phát triển kinh tế - xã hội cho vùng ĐBSCL và cả nước
-------------------	---	--

1.2. Chương trình đẩy mạnh việc học, cách học và học tập suốt đời

Chương trình đào tạo Nuôi trồng thủy sản được xây dựng theo chuẩn tiên tiến và giảng dạy theo học chế tín chỉ (*Exh. 1.5: QĐ 43*) tạo sự mềm dẻo và linh động cho người học. Người học phải tự lập kế hoạch học tập, tự quyết định thời gian tốt nghiệp, lựa chọn những học phần tự chọn, từ đó hình thành thói quen tự định hướng cho quá trình học tập rèn luyện của mình. **Nội dung CTĐT đảm bảo chiều sâu và bề rộng giúp SV có thể học lên bậc cao hơn các chuyên ngành Thủy sản cũng như các chuyên ngành gần.**



Hình 1: Con đường học tập suốt đời liên quan đến ngành Nuôi trồng thủy sản

Trước hết, người học có thể vào học đại học Nuôi trồng thủy sản tiên tiến bằng con đường trực tiếp thi đầu vào hoặc qua con đường học Cao đẳng Nuôi trồng thủy sản, sau đó thi liên thông lên đại học. Sau khi tốt nghiệp đại học, người học có thể tiếp tục thi vào học ở bậc cao hơn, thạc sĩ và tiến sĩ nuôi trồng thủy sản (*Exh. 1.6: Quyết định trúng tuyển của sinh viên tiên tiến vào học thạc sĩ và tiến sĩ*) hoặc thạc sĩ và tiến sĩ của một chuyên ngành gần với ngành thủy sản (bệnh học thủy sản, quản lý nguồn lợi thủy sản, sinh thái học, nông học...) (*Exh??? QĐ trúng tuyển của SV tiên tiến vào các ngành gần???*). Bên cạnh đó, người học cũng có thể tham gia học một ngành đại học khác để có bằng đại học thứ hai. Hơn thế nữa, do được học tập bằng tiếng Anh nên người học có thể tham gia học tập ở bậc cao hơn ở các trường đại học trên thế giới (*Exh. 1.7: QĐ cử sinh viên đi học tập ở nước ngoài*).

Phương pháp giảng dạy được sử dụng trong giảng dạy là phương pháp tích cực (người học là trung tâm) giúp người học phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu. Trong suốt quá trình học, giáo viên áp dụng nhiều phương pháp khác nhau như: bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thảo luận nhóm, thuyết trình, thực hành trong

phòng thí nghiệm, thực hành hiện trường, nghiên cứu khoa học và luận văn... (Exh. 1.8: Đề cương chi tiết học phần) các phương pháp giảng dạy/học tập nêu trên giúp người học đạt được kiến thức phong phú, kỹ năng thành thạo. Ngoài ra, phương pháp trên cũng giúp cho người học phát triển các kỹ năng mềm như: kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp như trao đổi, chia sẻ, hợp tác với thành viên khác. Các kỹ năng trên sẽ giúp người học có thể dễ dàng thích ứng với việc học tập ở các bậc cao hơn.

Trong chương trình học, sinh viên được tham quan, học tập và trao đổi sinh viên với các trường đại học trong khu vực các nước Đông Nam Á, điều này giúp SV **nâng cao trình độ, hình thành động cơ học hỏi để hội nhập** (Exh. 1.9: Quyết định và chương trình tham quan học tập ở Đại học Kasetsart và AIT, Thái Lan)

Ngoài ra, trường Đại học Cần Thơ còn cung cấp nhiều phương tiện học tập cho sinh viên như: máy tính, đường truyền internet, email, thư viện, cố vấn học tập, phương tiện vui chơi giải trí... các phương tiện này khuyến khích sinh viên tự học và học tập suốt đời (Exh. 1.10: phương tiện học tập, dịch vụ phục vụ sinh viên)

1.3. Kết quả học tập mong đợi bao gồm cả kiến thức và kỹ năng đại cương lẫn kiến thức và kỹ năng chuyên ngành

Căn cứ vào mục tiêu giáo dục, sứ mạng của nhà trường và Khoa đồng thời đáp ứng yêu cầu thị trường lao động, chương trình chú trọng đào tạo SV cả về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Do đó, Khoa đã xác định kết quả học tập mong đợi đối với SV tốt nghiệp bao gồm cả kiến thức và kỹ năng đại cương lẫn kiến thức và kỹ năng chuyên ngành. Thêm vào đó, những thái độ mà CT khuyến khích SV thể hiện cũng đã thể hiện trong các kết quả học tập mong đợi.

Chương trình đào tạo Nuôi trồng thủy sản tiên tiến gồm 150 TC (Exh. 1. 3: Chương trình đào tạo), trong đó gồm hai khối kiến thức đó là kiến thức đại cương (47TC) và kiến thức chuyên ngành (103TC). Khối kiến thức đại cương bao gồm các học phần chứa nội dung liên quan đến đào tạo kiến thức đại cương (toán học, hóa học, sinh học, chính trị, xã hội), đào tạo kỹ năng đại cương (Anh văn, tin học, rèn luyện sức khỏe) và đào tạo về thái độ cho người học như tính đạo đức, tinh thần trách nhiệm (Exh. 1.11: Đề cương chi tiết học phần). Khối kiến thức chuyên ngành bao gồm các học phần chứa nội dung liên quan đến đào tạo kiến thức về nguyên lý (sinh hóa, sinh lý, sinh thái, hình thái và giải phẫu động vật thủy sản) và kỹ thuật (dinh dưỡng và thức ăn, sản xuất giống, nuôi thương phẩm, quản lý dịch bệnh và quản lý môi trường nuôi) được ứng dụng trong nuôi trồng thủy sản. Các học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành cũng chứa những nội dung liên quan

đến đào tạo các kỹ năng chuyên ngành như: thực hành sản xuất giống; nuôi thương phẩm các loài thủy sản có giá trị kinh tế; quản lý dịch bệnh; quản lý chất lượng nước; quản lý và vận hành cơ sở sản xuất, kinh doanh thủy sản; Viết đề cương, triển khai nghiên cứu khoa học và viết báo cáo (*Exh. 1.12: Skill matrix*)

Bảng 2: Mối liên quan giữa kiến thức, kỹ năng và kết quả học tập mong đợi

Kiến thức và kỹ năng		Kết quả học tập mong đợi
Kiến thức đại cương	Toán học, hóa học, sinh học, chính trị, xã hội, tin học, ngoại ngữ	LO1, LO6
Kỹ năng đại cương	Giao tiếp, làm việc độc lập và làm việc nhóm, quản lý, sử dụng máy tính, nguyên cứu, tự học	LO1, LO4, LO5, LO6
Kiến thức chuyên ngành	Nguyên lý và kỹ thuật chuyên ngành, phân tích và giải quyết vấn đề	LO2, LO3, LO4
Kỹ năng chuyên ngành	Thực hành sản xuất giống, nuôi thương phẩm, quản lý và vận hành cơ sở sản xuất, kinh doanh thủy sản, triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học	LO3, LO4, LO5, LO6, LO8 ¿??
Thái độ	Đạo đức, trách nhiệm, hợp tác và chia sẻ	LO1, LO6, LO7???

Hoạt động dạy, học và đánh giá được thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (*Exh. 1.13: QĐ 43/2007...*). Ngoài ra để đạt được kết quả học tập mong đợi, trong đề cương chi tiết của mỗi học phần có nêu rõ nội dung, phương pháp giảng dạy và học tập, phân bố thời gian cho phần lý thuyết và thực hành, nhiệm vụ của người học, phương pháp đánh giá và thang điểm (*Exh. 1.11: Đề cương chi tiết học phần*) .

1.4. Kết quả học tập mong đợi phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan

Chương trình đào tạo và kết quả học tập dự kiến được xây dựng trên việc tham khảo đối sánh với CT nước ngoài, Khung chương trình của Bộ, y kiến chuyên gia, nhà nghiên cứu và yêu cầu của các nhà tuyển dụng trong nước.

Chương trình đào tạo và kết quả học tập mong đợi được xây dựng bởi Trường Đại học Cần Thơ và Đại học Auburn có sự tham vấn của các nhà quản lý ngành nuôi trồng thủy sản ở các tỉnh thuộc vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long, các công ty sản xuất và dịch vụ thủy sản cùng các cơ quan nghiên cứu trong vùng (cần bổ sung các ExH ??? thể hiện sự tham gia của Auburn và các Cty, viện nghiên cứu).

Các cơ quan nghiên cứu đưa ra yêu cầu với sinh viên tốt nghiệp là có kiến thức và kỹ năng chuyên môn vững, giỏi ngoại ngữ và có kỹ năng xây dựng đề cương nghiên cứu, tổ chức thực hiện nghiên cứu và viết báo cáo khoa học (ExH: kết quả khảo sát y kiến/biên bản hội thảo Nhà TD...).

Đối với các cơ quan quản lý đưa ra yêu cầu, sinh viên tốt nghiệp phải có kiến thức và kỹ năng chuyên môn giỏi, có khả năng phân tích và giải quyết các khó khăn trong nuôi trồng thủy sản, nắm vững các quy định, luật pháp liên quan đến sản xuất thủy sản.

Các công ty sản xuất dịch vụ thủy sản cho rằng, sinh viên tốt nghiệp phải có kiến thức và kỹ năng chuyên môn giỏi, biết tổ chức, vận hành cơ sở sản xuất và kinh doanh thủy sản (Exh. 1.14: Biên bản họp, hội thảo; Phiếu thăm dò ý kiến???)

Để đảm bảo chất lượng đào tạo, hàng năm Bộ Giáo dục và Đào tạo tiến hành kiểm tra công tác dạy và học của Chương trình tiên tiến nhằm rút kinh nghiệm, điều chỉnh những khó khăn, yếu điểm của Chương trình. Từ năm 2008 đến nay, Khoa Thủy sản đã tiến hành một lần điều chỉnh chương trình (Exh. 1.15: Chương trình đào tạo trước và sau khi điều chỉnh), cụ thể là việc điều chỉnh tăng thêm số tín chỉ cho học phần Anh Văn. Bên cạnh đó, nhiều học phần cũng đã được điều chỉnh kết cấu và nội dung nhằm đảm bảo sự phù hợp với điều kiện ở Việt Nam và Đồng Bằng Sông Cửu Long. Các học phần được điều chỉnh bao gồm: AQ207, AQ209, AQ302, AQ303, AQ305... (Exh. 1.16: Đề cương các môn học trước và sau khi điều chỉnh).

2. CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT (Cô DT Yên: thuyyen@ctu.edu.vn)

2.1 Trường đại học có sử dụng chương trình chi tiết [1]

Chương trình chi tiết (Exh. -**Chương trình chi tiết**) về ngành nuôi trồng thủy sản tiên tiến được giới thiệu tại website của Khoa Thủy Sản (Exh-<http://caf.ctu.edu.vn/caf/capnhat/files/chuongtrinhtt.pdf>) và tờ bướm (Exh-**Website Khoa, Exh- Tờ giới thiệu**), Sổ tay Sinh viên (Exh??? **Khoa thiết kế STSV, in ấn bằng máy tính/photo và phát cho SV**). Trong đó bao gồm các thông tin về ngành học, hình thức và thời gian đào tạo, bằng cấp, cấu trúc chương trình, ngôn ngữ sử dụng, đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất, điều kiện tuyển sinh, kết quả học tập mong đợi và triển vọng nghề nghiệp.

CT chi tiết được Khoa sử dụng để lập Kế hoạch giảng dạy từng HK, Phòng ĐT tiếp nhận Kế hoạch giảng dạy và đăng tải các môn học cho SV lựa chọn đăng ký. P.DT cấp TKB cho SV và xếp lịch giảng dạy, phòng học để thực hiện trong thời gian qui định cho mỗi HK của toàn trường.

(1) Trường cấp bằng (Awarding body/Insitution): Đại Học Cần Thơ

Đơn vị đào tạo (Teaching institution): Khoa Thủy Sản

(2) Tên ngành học: Nuôi trồng thủy sản

Chương trình: Nuôi trồng thủy sản tiên tiến

Hình thức đào tạo: chính qui

(3) Bằng cấp: kỹ sư NTTS

(4) Điều kiện đầu vào:

Sinh viên đã trúng tuyển vào trường Đại Học Cần Thơ các ngành thuộc khối A (Toán, Lý, Hóa), B (Toán, Sinh, Hóa) và A1 (Toán, Văn, Anh văn) đều được đăng ký và tham gia kỳ thi tiếng Anh (TOEIC?) đầu năm để được tuyển vào chương trình. Điểm tiếng Anh tối thiểu được xét tuyển là ...(**Exh...-thông báo xét tuyển hàng năm**). Các thông tin trên được thông báo tại website của Khoa, Trường hàng năm (**Exh...- website thông báo xét tuyển**).

(5) Qui trình thiết kế CTĐT

Việc xây dựng chương trình dựa trên những tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục & Đào Tạo về chương trình tiên tiến (Exh...- **công văn, tài liệu của Bộ về mục tiêu, tiêu chuẩn của các CTTT**) và **đổi sánh với** các chương trình nuôi trồng thủy sản đang áp dụng ở một số trường nổi tiếng ở các nước như Trường Đại học Auburn (Mỹ), Đại học Tasmania (Úc), Đại học Hawaii (Mỹ) **Exh- chương trình chi tiết của các trường trên**). Tham gia xây dựng cấu trúc chương trình gồm có cán bộ giảng dạy,

Khoa Thủy Sản và một số Khoa có liên quan, các nhà quản lý, các tổ chức/cá nhân sử dụng lao động với sự đóng góp, phản hồi của các tổ chức như hội cựu sinh viên?? (Exh- biên bản các cuộc họp xây dựng chương trình đào tạo, Exh-các phản hồi của các tổ chức, sinh viên).

() Đảm bảo chất lượng và kiểm định:

Trường ĐHCT đã đạt chuẩn Kiểm định MOET năm ???.

Hàng năm CT được rà soát, đánh giá ngoài bởi “đoàn chuyên gia đánh giá CT tiên tiến” của Bộ GD và ĐT.

(6) Cấu trúc chương trình

Kết quả học tập mong đợi (khi nào có bản cuối thì sửa lại thống nhất)

- LO1: Nắm chắc kiến thức đại cương về khoa học tự nhiên (toán, hóa, sinh), ngư nghiệp, tin học, Anh văn để có thể tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên ngành và học tập nâng cao trình độ. Am hiểu pháp luật và các vấn đề về chính trị - xã hội, biết cách rèn luyện sức khỏe.
- LO2: Khái quát hóa kiến thức về cơ sở ngành (hình thái và phân loại sinh hóa, sinh lý, thái học của thủy sinh vật...) và kiến thức chuyên môn (dinh dưỡng và thức ăn, kỹ thuật sản xuất giống và nuôi thương phẩm, quản lý sức khỏe động vật thủy sản nuôi, quản lý chất lượng nước ao nuôi thủy sản...).
- LO3: Thực hành sản xuất giống và nuôi thương phẩm các loài có giá trị kinh tế (cá tra, cá đồng, tôm sú, tôm chân trắng và tôm càng xanh...)
- LO4: Phân tích, đánh giá và đề ra giải pháp xử lý những sự cố xảy ra trong sản xuất thủy sản.
- LO5: Tổ chức, quản lý và vận hành cơ sở sản xuất thủy sản như trại giống, trại nuôi thương phẩm, kinh doanh dịch vụ thủy sản; quản lý môi trường và sức khỏe vật nuôi.
- LO6: Phát triển kỹ năng giao tiếp như trao đổi, chia sẻ, hợp tác với thành viên khác; duy trì quan hệ với đối tác trong nước và quốc tế. Xây dựng đề cương đề tài/dự án, triển khai thực hiện các đề tài/dự án nghiên cứu khoa học; viết báo cáo.

Chương trình bao gồm 150 tín chỉ, trong đó khối kiến thức đại cương gồm 47 tín chỉ (chiếm 31.3%) và khối kiến thức chuyên ngành là 103 tín chỉ, ??? tín chỉ thực tập, ??? TC LVTN??? chiếm 68.7% (Bảng 1). Thời gian học tập được thiết kế là 4.5 năm bao gồm 01 HK bổ sung tiếng Anh?

Bảng 3 . Cấu trúc chương trình đào tạo

Khối kiến thức		Số tín chỉ	Tỉ lệ %
Kiến thức đại cương (General knowledge)		47	31.3
	Tiếng Anh cơ bản (Foreign language)	12	8
	Khoa học cơ bản (Natural Science)	15	10
	Khoa học xã hội (Social Sciences)	12	8
	Giáo dục quốc phòng và GD thể chất (Military and physical trainings)	8	5.3
2. Kiến thức chuyên ngành (Professional knowledge)		103	68.7
2.1. Kiến thức cơ sở ngành (Aquaculture fundamental courses)	Tiếng Anh chuyên ngành (Advanced English for aquaculture)	12	8.0
	Social skills	2	1.3
	Kiến thức cơ sở ngành (Aquaculture fundamental courses)	35	22.3
2.2 Kiến thức chuyên ngành (Aquaculture specialized courses)	Kiến thức chuyên ngành bắt buộc (Compulsary specialized courses)	43	28.7
	Thuyết trình (Seminars)	1	0.7
	Luận văn tốt nghiệp (Graduation thesis)	10	6.7

Các môn học được thiết kế theo hướng tích hợp và có liên quan chặt chẽ với nhau (Phụ lục???: Annex-Curriculum map). Dựa vào mối liên hệ giữa các môn học, sinh viên biết mình đang ở giai đoạn nào của chương trình và lập kế hoạch học tập cá nhân cho những học kỳ sau.

(7) Chiến lược giảng dạy và đánh giá

Chiến lược giảng dạy và PP đánh giá được giới thiệu trong đề cương môn học và dễ dàng truy cập trên website (Exh-đề cương các môn học).

Chiến lược giảng dạy và học bao gồm:

- Phương pháp học tích cực (lấy sinh viên làm trung tâm, giải quyết tình huống
- Lý thuyết đi đôi với thực hành
- Gắn liền giữa nhà trường với cơ sở địa phương
- Gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ;
- Chương trình giảng dạy theo hướng mở và mềm để sinh viên có nhiều cơ hội chọn lựa môn học và thời gian học tập theo nhu cầu

Chiến lược phát triển nguồn lực

- Tăng cường năng lực GV đi đôi với tăng cường phương tiện, cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy và học tập.
- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong đào tạo, giảng dạy và học tập, như mời giảng viên và trao đổi sinh viên quốc tế...Đẩy mạnh giảng dạy và học tập bằng Tiếng Anh, tạo điều kiện tiếp cận và hội nhập với quốc tế tốt hơn.

PP đánh giá SV

Kết quả học của sinh viên được đánh giá trong suốt môn học thông qua các dạng bài tập cá nhân, bài tập nhóm, báo cáo trên lớp, thi giữa kỳ và cuối kỳ. Cấu trúc các phần đánh giá có thể khác nhau tùy môn học và dao động trong các khoảng như sau

- Bài tập cá nhân, bài tập nhóm: 20-30%
- Thi giữa kỳ: 20 -30%
- Thi cuối kỳ: 40-60

Các qui định về thang tính điểm, xếp loại học tập ?

Bên cạnh đó, việc rèn luyện thái độ, đạo đức, tác phong của SV được ???
Khoa đánh giá bằng điểm rèn luyện thông qua các hoạt động ngoại khóa.

(8) Chiến lược nghiên cứu khoa học

- NCKH nhằm vừa góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, vừa góp phần phát triển công nghệ cho các ngành thủy sản.
- Đẩy mạnh nghiên cứu mang tính ứng dụng cao như nghiên cứu phát triển công nghệ sản xuất giống và nuôi các đối tượng thủy sản.
- Chú trọng phát triển các nghiên cứu mang tính nguyên lý và chuyên sâu như sinh học, sinh lý, sinh hóa, bệnh, di truyền, dinh dưỡng thủy sinh vật làm cơ sở nền tảng cho phát triển hơn nữa các nghiên cứu ứng dụng trong thủy sản.
- Khoa cũng đẩy mạnh hướng nghiên cứu về môi trường và nguồn lợi thủy sản; các vấn đề kinh tế xã hội, kinh tế tài nguyên; các vấn đề tác động của biến đổi khí hậu đến thủy sản và biện pháp thích ứng; cũng như các vấn đề phát triển thủy sản bền vững.
- Bên cạnh nghiên cứu thủy sản nước ngọt và lợ trong nội địa, Khoa đang đẩy mạnh hướng nghiên cứu nuôi hải sản và tài nguyên sinh vật biển, nhằm phục vụ phát triển kinh tế biển và bảo vệ tài nguyên vùng ven biển Đồng bằng Sông Cửu Long.

(9) Các hoạt động ngoại khóa hỗ trợ sinh viên

Để giúp sinh viên đạt được kết quả học tập tốt, Trường, Khoa có nhiều chương trình ngoại khóa hỗ trợ sinh viên như sau:

- Sinh viên được thực hành, thực tập và được tổ chức các chuyến tham quan thực tế sản xuất (công ty, trang trại, nhà máy, các hệ sinh thái tự nhiên...) trong nhiều môn học (**Exh-các môn học có tham quan, thực tập**). Qua đó giúp sinh viên củng cố tốt lý thuyết, thấy được hiện trạng, tiềm năng và nhận biết được cơ hội và thách thức của ngành nghề.
- Sinh viên được trường hỗ trợ tài chính? và liên hệ tìm nơi tham quan ở nước ngoài như Thái Lan (Exh- quyết định, báo cáo liên quan đến chuyến đi) vừa là cơ hội để sinh viên trao đổi kinh nghiệm học tập, nghiên cứu khoa học, trao đổi văn hóa, vừa giúp sinh viên rèn luyện tính tự tin, khả năng thuyết trình và kỹ năng giao tiếp tiếng Anh trong môi trường học thuật, **cũng như xây dựng động cơ không ngừng học hỏi để nhanh chóng hội nhập.**
- Sinh viên được hỗ trợ tham gia nghiên cứu khoa học, tham gia hội nghị trong và ngoài nước hàng năm của Khoa đã giúp sinh viên yêu khoa học,

tăng tính hợp tác, tăng bản lĩnh của mình (Exh-NCKH của SV, danh sách sinh viên báo cáo tại các hội nghị).

- Khoa định kỳ hàng tháng tổ chức buổi sinh hoạt ngoại khóa cho sinh viên, mời các chuyên gia, nhà quản lý ngoài trường có kinh nghiệm sản xuất, quản lý đến trao đổi chuyên đề về những vấn đề trong thực tế sản xuất, những kỹ năng nghề nghiệp,...
- Sinh viên được rèn luyện tư duy phản biện qua việc được GV khuyến khích bày tỏ ý kiến, đề xuất về các vấn đề học tập, sinh hoạt vào mỗi đầu năm học. Sinh viên cũng được quyền phản hồi về môn học, phương pháp giảng dạy,... của mỗi môn học sau khi kết thúc môn.
- Các hoạt động ngoại khóa rèn kỹ năng mềm ???
- các hoạt động phát triển đạo đức, tính nhân văn (hiên máu nhân đạo, mùa hè xanh)???

(10) Cơ sở vật chất

Cơ sở vật chất của Khoa phục vụ cho tất cả các ngành đào tạo bao gồm phòng học (21 phòng học được trang bị máy chiếu LCD), thư viện (với 4.152 đầu sách chuyên ngành tiếng Việt và 1.781 đầu sách chuyên ngành tiếng Anh), phòng máy tính (2 phòng máy tính được trang bị 81 máy tính được kết nối internet), các phòng thí nghiệm/thực hành (49 phòng với tổng diện tích hơn 1.716 m²) được trang bị các trang thiết bị hiện đại phục vụ nghiên cứu và giảng dạy. Ngoài ra, hệ thống wi-fi được xây dựng trong toàn trường, giúp cho việc học tập của sinh viên và giảng dạy của thầy cô được thuận lợi. Bên cạnh đó, cơ sở vật chất dành riêng cho sinh viên chương trình tiên tiến còn có ??? bao nhiêu phòng học riêng được trang bị máy điều hòa, 01 phòng thính thị với các phương tiện nghe nhìn hiện đại dùng để dạy tiếng Anh ??? (sức chứa 25 sinh viên), 1 văn phòng làm việc chung của Ban quản lý và tư vấn và các chuyên gia thỉnh giảng của chương trình.

Ngoài ra, sinh viên chương trình tiên tiến được cung cấp tài liệu học tập, tài liệu tham khảo miễn phí. Sinh viên được quyền truy cập vào nguồn sách điện tử, các nguồn thông tin khác thông qua Trung tâm học liệu của CTU.

(11) Điều kiện tốt nghiệp, chuyển đổi tín chỉ, chuyển trường

Sinh viên hoàn thành tất cả các học phần trong chương trình đào tạo trong thời gian tối đa là ?? năm thì được xét tốt nghiệp ra trường (Exh-quy chế đào tạo).

Mô tả thêm về cơ hội học bằng 2, SDH ngành NTTS và các chuyên ngành gần.
Mô tả các cơ hội được chấp nhận đi học SDH ở nước ngoài.

2.2 Chương trình chi tiết nêu rõ kết quả học tập mong đợi và cách thức đạt được kết quả học tập mong đợi . Theo hướng dẫn có mục 2.2 nhưng những thông tin trong mục này đã nêu ở phần trên. Có cần mục này nữa không?

1) Mỗi GV của Khoa lập 1 bảng thống kê mô tả mối liên quan giữa KQHT dự kiến của CT -> KQHTDK của môn học mình giảng dạy-> Nội dung môn học -> PP đánh giá và phân tích xem các câu hỏi trong đề thi, đề án... có nhằm vào kiểm tra nội dung và KQHTDK nào của môn học.

2) Khoa lập 1 bảng mô tả năng lực của người học theo từng level:

Năm 1: SV học các học phần nào, từ đó hình thành năng lực gì?

SV xuất sắc: có năng lực gì?

SV khá

SV TB

Năm 2:

....

2.3 Chương trình chi tiết cung cấp nhiều thông tin, được phổ biến và có sẵn cho các bên liên quan.

- Chương trình chi tiết được công bố như thế nào? Có sẵn? Dễ dàng truy cập?

Chương trình chi tiết được giới thiệu trên website của Khoa Thủy Sản, bằng tiếng Việt và tiếng Anh, và được nối với website của Trường Đại Học Cần Thơ (Exh-địa chỉ website) và được giới thiệu đến tất cả sinh viên của trường qua Sổ tay SV, chủ yếu là sinh viên Khoa Thủy Sản trong buổi sinh hoạt đầu năm của sinh viên khóa mới.

Khi sinh viên chính thức vào chương trình nuôi trồng thủy sản tiên tiến, Khoa tổ chức buổi sinh hoạt phổ biến chi tiết chương trình đào tạo, hướng dẫn phương pháp học, giải đáp những thắc mắc của sinh viên. Chương trình chi tiết cung cấp đầy đủ thông tin để sinh viên chọn lựa ngành học, những kỹ năng, kiến thức cần đạt được trong quá trình học, biết được cơ hội việc làm và khả năng học tập cao hơn.

Chương trình chi tiết được phổ biến cho các cán bộ tham gia giảng dạy, giúp họ liên hệ môn học mình với các môn học khác trong quá trình giảng dạy để củng cố và nâng cao kiến thức cho sinh viên.

Các nhà sử dụng lao động cũng có thể dễ dàng truy cập vào website của Khoa, Trường để biết thông tin về chương trình chi tiết ngành nuôi trồng thủy sản tiên tiến. Những thông tin cung cấp giúp họ biết được năng lực và khả năng làm việc của sinh viên ngành nuôi trồng thủy sản tiên tiến sau khi tốt nghiệp (**Exh-phản hồi của nhà sử dụng lao động**) .

Các đối tác nước ngoài cũng có thể biết được chương trình chi tiết thông qua phần giới thiệu bằng tiếng Anh tại website của Khoa, Trường (**Exh-Bảng giới thiệu, đường link**) và thông qua các cuộc họp trực tiếp với Ban lãnh đạo Khoa, Trường. Qua đó, một số chuyên gia, giảng viên nước ngoài đã được mời giảng, báo cáo chuyên đề,...

- Việc đánh giá và cập nhật chương trình chi tiết được thực hiện như thế nào?

Chương trình chi tiết được cập nhật hàng năm dựa trên các phản hồi của người sử dụng lao động, sinh viên, cán bộ giảng dạy (**Exh-các phản hồi**) và kế hoạch đào tạo của Trường. Đầu mỗi năm học, ban chủ nhiệm Khoa cùng cố vấn học tập và cán bộ giảng dạy họp mặt sinh viên, tổng kết những kết quả đạt được trong năm học và kế hoạch cho năm học tới.

Chương trình có được cải tiến ở những năm sau so với khi mới xây dựng không? Dựa trên cơ sở nào?

Chương trình được cải tiến sau đó so với khi mới xây dựng trên cơ sở đáp ứng khả năng người học và điều kiện thực tiễn ở ĐBSCL. Chương trình được bổ sung 12 TC Anh văn tăng cường (**Exh. 1.15: Chương trình đào tạo trước và sau khi điều chỉnh**) và một số học phần được tiếp nhận bởi cán bộ của Khoa (AQ207, AQ209, AQ302, AQ303, AQ305... (**Exh. 1.16: Đề cương các môn học trước và sau khi điều chỉnh**)).

Kết quả thực hiện chương trình được Bộ Giáo Dục và Đào Tạo đánh giá hàng năm (**Exh-Biên bản họp với Bộ và các văn bản liên quan**). Đây cũng là cơ sở để cập nhật chương trình chi tiết ở những năm tiếp theo.

3. NỘI DUNG VÀ CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH (Cô DT Yên: thuyyen@ctu.edu.vn)

3.1 Nội dung chương trình có sự cân đối tốt giữa kiến thức, kỹ năng đại cương và chuyên ngành [1]

- Nội dung chương trình được thiết kế dựa trên cơ sở nào?

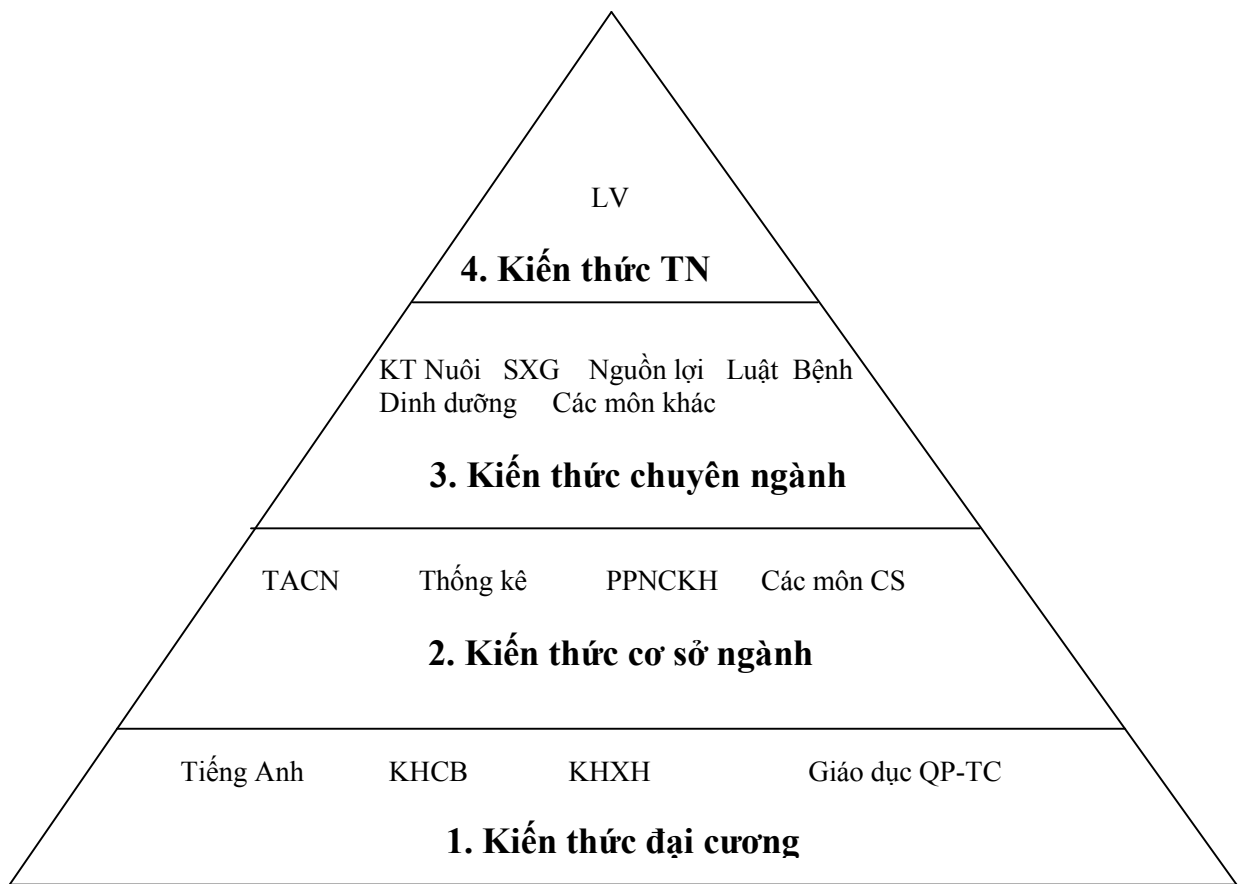
Chương trình đào tạo được thiết kế dựa vào khung chương trình của Bộ (Exh-**khung chương trình của Bộ**) và tham khảo với chương trình đào tạo của 3 trường Đại học nổi tiếng ở Mỹ và Úc gồm Trường Đại học Auburn (Mỹ), Đại học Hawaii (Mỹ) và Đại học Tasmania (Úc) (Exh- **chương trình chi tiết của các trường trên**). Bên cạnh đó, chương trình đào tạo còn dựa trên qui định về đào tạo theo hệ thống tín chỉ (Exh-**Quyết định 1411/ĐHCT-ĐT về việc chuyển đổi sang hệ thống tín chỉ; các quyết định, văn bản liên quan đến việc thực hiện hệ thống tín chỉ**)

- Các khối kiến thức được phân bố như thế nào? Có cân đối và hiệu quả không?

Chương trình đào tạo gồm 58 môn với tổng số 150 tín chỉ được chia làm 2 khối kiến thức: khối kiến thức đại cương (gồm 47 tín chỉ trong 2 học kỳ đầu) và khối kiến thức chuyên ngành (103 tín chỉ bao gồm 10 tín chỉ luận văn tốt nghiệp trong 7 học kỳ còn lại). Việc phân chia các khối kiến thức theo thứ tự từ thấp đến cao (Hình 2) và sắp xếp các môn học trong từng học kỳ được đánh giá là cân đối và hiệu quả (Exh- **Feedback từ sinh viên, giáo viên và các thành phần khác có liên quan**)

Kiến thức chuyên ngành





Hình 2: Các khối kiến thức trong chương trình (Diagram of program knowledge)

Khối kiến thức đại cương (47 tín chỉ) cung cấp những kiến thức cơ bản về lĩnh vực khoa học tự nhiên (bao gồm toán học, sinh học, hóa học), lĩnh vực khoa học xã hội và tiếng Anh cơ bản. Đồng thời, sinh viên cũng được đào tạo về giáo dục quốc phòng, môn học điều kiện cho tất cả sinh viên bậc đại học, và giáo dục thể chất, trong đó có bơi lội – kỹ năng cần thiết đối với sinh viên ngành nuôi trồng thủy sản (**Exh-Quyết định của Bộ 43/2007/BGDĐT về đào tạo tín chỉ; Exh-Quyết định của Trường; Exh-Quyết định liên quan??**)

Khối kiến thức chuyên ngành (103 tín chỉ) bao gồm kiến thức cơ sở ngành (49 tín chỉ), kiến thức chuyên ngành (44 tín chỉ) và kiến thức tốt nghiệp (10 tín chỉ). Trong phần kiến thức cơ sở ngành, sinh viên được cung cấp kiến thức về thống kê sinh học, phương pháp nghiên cứu khoa học và các môn học cơ sở. Đặc biệt, trong giai đoạn này, sinh viên tiếp tục được nâng cao trình độ Anh văn thông qua môn học Anh văn chuyên ngành thủy sản. Nhờ vậy, sinh viên có vốn từ chuyên ngành và kiến thức cơ bản để tiếp thu kiến thức chuyên ngành tốt hơn (**Exh-Feedbanck của sinh viên về các môn học AVCN??**). Kiến thức chuyên ngành bao

gồm các lĩnh vực về kỹ thuật nuôi, kỹ thuật và cách quản lý trại giống, quản lý nguồn lợi và các môn học hỗ trợ kỹ thuật ương, nuôi đối tượng thủy sản (Bệnh học thủy sản, dinh dưỡng động vật thủy sản, ...). Sinh viên cũng được cung cấp kiến thức về luật thủy sản, kỹ năng giao tiếp khuyến ngư. Ở học kỳ cuối, sinh viên thực hiện luận văn tốt nghiệp dựa trên nền tảng các kiến thức từ đại cương đến chuyên ngành đã được tích lũy trong 4 năm học (**Exh-Quy chế học vụ; Exh-Quyết định của Bộ 43/2007/BGDĐT về đào tạo tín chỉ**)

3.2 Nội dung chương trình phản ánh tầm nhìn và sứ mạng của trường

Nội dung chương trình đào tạo phản ánh tầm nhìn và sứ mạng của Trường:

- tầm nhìn của Trường đến năm 2020, Trường ĐHCT trở thành trường nghiên cứu xuất sắc hàng đầu trong khu vực châu Á – Thái Bình Dương về giáo dục, nghiên cứu; góp phần quan trọng trong đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao cho sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Nội dung chương trình đảm bảo đào tạo sinh viên có kiến thức sâu, **kỹ năng nghề nghiệp và NCKH giỏi**, thái độ và đạo đức nghề nghiệp tốt hoàn toàn phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của CTU (**Exh. - Chương trình chi tiết, Exh-website giới thiệu CT tiên tiến; Web CTU-giao diện tiếng Anh: tầm nhìn-sứ mạng của CTU**).
- Nội dung chương trình được xây dựng theo chương trình của trường đại học Auburn đã được **kiểm định và công nhận bởi Tổ chức nào? (VD: ABET??? Xem web hay hỏi Auburn xem sao)** và được giảng dạy bằng tiếng Anh với đội ngũ cán bộ giảng dạy có trình độ chuyên môn cao và nhiều kinh nghiệm giảng dạy. (của Khoa TS, đến từ các Viện nghiên cứu, GV của Auburn, các đại học trong, ngoài nước khác...???)

3.3 Sự góp phần đạt được kết quả học tập mong đợi của từng học phần được thể hiện rõ [3]

Bảng 4. Mối quan hệ giữa môn học và KQHTMĐ (Learning outcome, LO)

MS	Môn học	Số TC	LO1	LO2	LO3	LO4	LO5	LO6
QP001	Giáo dục quốc phòng (<i>Millitary training</i>) (*)	6	X					
TC000	Giáo dục thể chất 1 (<i>Physical fitness training</i>) (*)	1	X					
TC013	Bơi lội (<i>Physical fitness training</i>) (*)	1	X					
AQ100	Anh văn tăng cường (<i>English bridging program</i>)	12	X					X
TN051	Hóa đại cương I (<i>Fundamental of chemistry I – inorganic</i>)	2	X					
	TT Hóa đại cương I (<i>Fundamental of chemistry Lab I – inorganic</i>)	1	X					
TN053	Hóa đại cương II (<i>Fundamental of chemistry II – organic</i>)	2	X					
	TT Hóa đại cương II (<i>Fundamental of chemistry Lab II – organic</i>)	1	X					
TN055	Hoá phân tích (<i>Analytical chemistry</i>)	2	X					
TN056	TT Hoá phân tích (<i>Analytical chemistry Lab</i>)	1	X					
	Sinh học đại cương (<i>Principles of biology</i>)	2	X					
TN057								
TN058	TT Sinh học đại cương	1	X					

	<i>(Principles of biology Lab)</i>							
TN059	Toán cao cấp (<i>Calculus</i>)	3	X					
ML009	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1 (Basic Principles of Marxism – Leninism 1)	2	X					
ML010	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2 (<i>Basic Principles of Marxism – Leninism 2</i>)	3	X					
ML006	Tư tưởng Hồ Chí Minh (<i>Ho Chi Minh's ideas</i>)	2	X					
ML011	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam (<i>Revolution line of Vietnam Communist Party</i>)	3	X					
KT101	Kinh tế đại cương	2	X					X
	<i>(Principles of Economics)</i>							
AQ201	Tiếng Anh nâng cao I	3	x					X
	<i>(Advanced English I)</i>							
AQ202	Tiếng Anh nâng cao II	3	X					X
	<i>(Advanced English II)</i>							
AQ203	Tiếng Anh Nuôi trồng thủy sản I (<i>English for Aquaculture I</i>)	3	X					X
AQ204	Tiếng Anh Nuôi trồng thủy sản II (<i>English for Aquaculture II</i>)	3	X					X
AQ205	Vi sinh (<i>Microbiology</i>)	3		X				
AQ206	Nhập môn Khoa học nghề cá (<i>Introduction to</i>	3		X				

	<i>fish science)</i>							
AQ207	Khoa học môi trường nước (<i>Water science</i>)	3		X				
AQ208C	Phân loại học đại cương (<i>General ichthyology</i>)	4		X				
AQ209C	Ao hồ học (<i>Limnology</i>)	4		X				
AQ210	Sinh thái học đại cương (<i>Principles of ecology</i>)	2		X				
AQ211C	Sinh lý động vật thủy sản (<i>Aquatic animal physiology</i>)	4		X				
AQ212C	Dinh dưỡng động vật thủy sản (<i>Aquatic Animal nutrition</i>)	4		X				
AQ213	Nguyên lý nuôi trồng thủy sản (<i>Principles of Aquaculture</i>)	3		X				
AQ214	Thống kê và phép thí nghiệm (<i>Statistics and experimental design</i>)	3		X				X
AQ215	Nghệ thuật giao tiếp (<i>Public Speaking</i>)	2						X
AQ216	Phương pháp nghiên cứu khoa học (<i>Scientific Research Methodology</i>)	2		X				X
AQ301	Kỹ thuật nuôi thủy sản (<i>Aquaculture production</i>)	4		X	X	X		
AQ302	Quản lý trại giống cá (<i>Finfish hatchery operation and management</i>)	4						X
AQ303C	Kỹ thuật nuôi giáp xác và nhuyễn thể (<i>Shellfish aquaculture</i>)	4		X	X		X	

AQ304	QL trại giống giáp xác và nhuyễn thể (<i>Shell hatchery operation and management</i>)	4					X	
AQ305	Đại cương về bệnh thủy sản và phương pháp chẩn đoán (<i>Introduction to fish health and clinical fish disease diagnosis</i>)	3		X			X	
AQ306	Bệnh Thủy sản	4		X	X		X	
	(<i>Fish and shell fish diseases</i>)							
AQ307	Cải tiến di truyền và quản lý nguồn lợi (<i>Fish Genetic Enhancement and Resources Management</i>)	3		X			X	
AQ308	Sinh học và quản lý nguồn lợi Thủy sản (<i>Fisheries Biology and Management</i>)	3		X	X		X	
AQ309	Thiết bị và công trình thủy sản (<i>Facilities for Aquaculture</i>)	3		X	X		X	
AQ310	Sản xuất thức ăn tươi sống	2		X	X		X	
	(<i>Live food production</i>)							
AQ311	Qui hoạch phát triển thủy sản (<i>Aquaculture planning and management</i>)	2					X	
AQ312C	Kinh tế thủy sản	3					X	
	(<i>Aquaculture economic</i>)							
AQ313	Luật thủy sản	2				X	X	
	(<i>Fisheries law</i>)							

AQ314	Khuyến nông	2						X
	<i>(Agriculture extension)</i>							
AQ315	Thuyết trình	1						X
	<i>(Seminar/sepcial topics)</i>							
AQ401	Luận văn tốt nghiệp	10						X
	<i>(Graduation thesis)</i>							

3.4 Cấu trúc chương trình đào tạo được thiết kế sao cho nội dung các học phần có sự kết hợp và củng cố lẫn nhau. [4]

Cấu trúc chương trình đào tạo được thiết kế dựa vào theo qui định của Bộ Giáo Dục (**Exh- khung chương trình của Bộ**) chương trình đào tạo chung của trường Đại học Cần Thơ (**Exh- qui định của Trường??**) và dựa vào mối quan hệ hỗ trợ giữa các học phần. Các học phần được sắp xếp có sự kết hợp và hỗ trợ nhau. Những học phần tiên quyết, cung cấp nền tảng cho các học phần khác được sắp xếp trước (**Exh-chương trình chi tiết**). Do tính chất đặc thù của chương trình (mời giảng, giảng bằng tiếng Anh và chỉ có 1 lớp) nên các sinh viên trong cùng một khóa đều cùng một chương trình học và các học phần tự chọn giống nhau. Sự chọn lựa khác nhau giữa các sinh viên thể hiện khi chọn chủ đề thuyết trình và thực hiện đề tài tốt nghiệp (**Exh-Danh sách sinh viên thực hiện các đề tài khác nhau, K34, K35**)

Vẽ sơ đồ tuyến môn học (**vẽ sau**)

3.5 Chương trình thể hiện chiều rộng và chiều sâu [5]

Chương trình đào tạo được xây dựng thể hiện chiều rộng (bao gồm tất cả các lĩnh vực liên quan đến nuôi trồng thủy sản) và chiều sâu (các môn chuyên ngành chuyên sâu) (**Exh-chương trình chi tiết; Exh-Syllabi**). Điều này giúp cho sinh viên ra trường có nhiều cơ hội việc làm hơn, đáp ứng được các yêu cầu công việc đa dạng trong sản xuất và những công việc chuyên sâu như làm việc tại các trường đại học, cao đẳng, cơ quan nghiên cứu... Đồng thời, tính sâu và rộng của chương trình đào tạo cũng giúp cho sinh viên có nền tảng vững chắc để tiếp tục học nâng cao theo các chương trình cao học hoặc tiến sĩ trong và ngoài nước.

Độ khó của các học phần được sắp xếp theo mức độ khó tăng dần, thể hiện ở sự sắp xếp các khối kiến thức từ đại cương đến cơ sở, đến chuyên ngành và trong mỗi khối kiến thức các nhóm học phần ở học kỳ sau vừa mang tính rộng và sâu, dựa

trên nền tảng các nhóm học phần ở học kỳ trước (**Exh-Chương trình chi tiết; Exh-skill matrix**).

3.6 Chương trình thể hiện rõ học phần cơ bản, học phần cơ sở ngành, học phần chuyên ngành và tiểu luận hoặc luận văn tốt nghiệp [6]

Sơ đồ ở Hình 2 và Bảng 3 cho thấy chương trình thể hiện rõ học phần cơ bản, học phần cơ sở ngành, học phần chuyên ngành và luận văn tốt nghiệp.

Sự phân bố các học phần thể hiện tính liên kết hợp lý và giúp sinh viên nắm được kiến thức một cách có hệ thống và theo mức độ khó tăng dần (**Exh-Chương trình chi tiết, Exh-Quy định về việc đăng ký học phần; đăng ký thực hiện luận văn tốt nghiệp**).

3.7 Nội dung chương trình được cập nhật [1]

Cấu trúc và nội dung chương trình cơ bản không thay đổi nhưng một số học phần (được chuyển giao từ giảng viên đại học Auburn cho giảng viên Đại học Cần Thơ) như AQ207, AQ209, AQ302, AQ303, AQ305 có thay đổi nội dung (cập nhật nội dung) cho phù hợp hơn với điều kiện và yêu cầu thực tiễn (**Exh- đề cương môn học mới của các học phần**).

Chu kỳ cập nhật chương trình đào tạo là bao lâu? Có văn bản nào quy định? Ai tham gia vào việc điều chỉnh, cập nhật?

Có văn bản nào hướng dẫn hoặc quy định việc thiết kế, cập nhật, phê duyệt chương trình đào tạo?

Có thực hiện đối sánh khi thiết kế và phát triển chương trình đào tạo?

- Các văn bản nêu trong mô tả;

- Các phiên bản chương trình được điều chỉnh;

- Các văn bản, biên bản thể hiện việc cập nhật, phê duyệt chương trình;

- Minh chứng thể hiện việc đối sánh;

(Thông tư 08/2011/TT-BGDĐT quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình mở ngành đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng)

(Công văn số 1041/ĐT ngày 2/7/2009 của Trường Đại học Cần Thơ về việc Hiệu chỉnh CTĐT bậc đại học)

4. CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP (Thầy TN Hải: tnhai@ctu.edu.vn)

4.1 Chiến lược giảng dạy và học tập:

Nội dung chính của các chiến lược giảng dạy và học tập là đào tạo theo hướng tin chỉ, dạy theo phương pháp tích cực, lấy sinh viên làm trung tâm, lý thuyết đi đôi với thực hành, gắn liền giữa nhà trường với cơ sở địa phương, đáp ứng nhu cầu địa phương; gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; chương trình giảng dạy theo hướng mở, mềm để sinh viên có nhiều cơ hội chọn lựa môn học và thời gian học tập theo nhu cầu. Tăng cường năng lực cán bộ đi đôi với tăng cường phương tiện, cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy và học tập. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong đào tạo, giảng dạy và học tập, như mời giảng viên và trao đổi sinh viên quốc tế...Đẩy mạnh giảng dạy và học tập chương trình tiên tiến bằng Tiếng Anh, tạo điều kiện tiếp cận chuẩn khu vực và hội nhập quốc tế.

- - Trong việc dạy và học, giáo viên đã rất tích cực áp dụng các chủ trương và phương pháp mới; sinh viên đã tích cực phối hợp, giao tiếp, tương tác. Hoạt động áp dụng chiến lược giảng dạy và học tập mới thể hiện qua việc xây dựng và đổi mới chương trình đào tạo (với kết cấu các khối kiến thức đại cương và chuyên môn; lý cơ cấu thuyết và thực tập- thực hành tại Khoa và tham quan thực tế; thực hiện nghiên cứu tốt nghiệp...); thông qua biên soạn đề cương giáo trình và phương pháp giảng dạy sống động và tích cực của giáo viên (ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông, internet vào giảng dạy; hướng dẫn tham quan, thực hành; ra các bài tập nhóm, bài tập tình huống, seminar; bài tập cá nhân); thông qua cung cấp tài liệu học tập phong phú ở thư viện và trên website của Khoa; thông qua phương pháp đánh giá toàn diện sinh viên của giáo viên.

- Các chủ trương, qui định nhà nước, các cấp Bộ ngành luôn được thông tin rộng rãi cho cán bộ và sinh viên, thông qua nhiều phương pháp khác nhau, như website của Trường, Khoa; các cuộc hội thảo, đào tạo bồi dưỡng cán bộ (Minh chứng: hình ảnh, kế hoạch hội thảo, tài liệu bồi dưỡng ???)

- Các chiến lược giảng dạy và học tập đã được đề cập trong các văn bản chiến lược phát triển Đại học Cần Thơ đến năm 2020, tầm nhìn 2030 (Minh chứng ???); các báo cáo tổng kết và định hướng phát triển từng thời kỳ của Khoa (Minh chứng ???); và trong các cuộc họp Hội đồng Khoa học và đào tạo của Khoa (Minh chứng ???).

4.2. Chiến lược giảng dạy và học tập đã giúp sinh viên hiểu được và vận dụng được kiến thức

Thông qua các buổi sinh hoạt đầu khóa (Minh chứng các nội dung, kế hoạch SH ???), thông qua tư vấn thường xuyên của cố vấn học tập và giáo vụ Khoa, sinh viên đã hiểu được chiến lược giảng dạy và học tập ở của ngành nuôi trồng thủy sản – chương trình tiên tiến, để sẵn sàng tiếp nhận và vận dụng tốt vào việc học tập.

Tại các buổi giảng dạy lý thuyết, sinh viên tương tác năng động và tích cực với giáo viên, chủ động trong giải quyết tình huống thực tế được giáo viên gợi mở, tham gia đầy đủ các buổi học trên lớp. Không những phụ thuộc vào kiến thức giáo viên truyền đạt trên lớp, sinh viên còn tự tìm tòi, tham khảo tài liệu liên qua, đặc biệt là các tài liệu điện tử, trên internet, website của Khoa (Minh chứng web-Đường dẫn???)

Các buổi thực hành và tham quan, sinh viên đã rất tích cực, chịu khó, hợp tác và kỷ luật trong tổ chức thực hiện, tìm tòi, khám phá . Các kết quả thực hành, tham quan sau đó được báo cáo khoa học, đầy đủ, sinh động, nắm chắc vấn đề và rất tự tin (Minh chứng Các báo cáo của SV, các nhận định của cơ sở thực tập???)

Trong quá trình học tập, với sự tích cực tổ chức và hướng dẫn của Khoa và giáo viên, sinh viên đã tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, tham gia hội nghị khoa học trong và ngoài nước (IFS2012, IFS 2013), và đạt nhiều thành tích ((Minh chứng ???) bài báo SV, photo toàn văn có trang bìa Kỹ yếu + đưa lên website, MC là đường dẫn), giải thưởng gì? hạng mấy? (Minh chứng Photo chứng nhận, hình ảnh giải thưởng???) . Bên cạnh đó, sinh viên cũng tích cực viết và đăng bài báo khoa học trên các tạp chí (Minh chứng toàn văn các bài báo + trang bìa tạp chí).

Kết quả vận dụng chiến lược giảng dạy và học tập của sinh viên được thể hiện toàn diện hơn ở các nghiên cứu khoa học của SV phục vụ luận văn tốt nghiệp, kết quả báo cáo tốt nghiệp, cũng như việc làm (Minh chứng ???)% SV có việc làm) hay tiếp tục học cao hơn sau tốt nghiệp ((Minh chứng ???)% SV học SDH). Với vốn kiến thức và ngoại ngữ tốt là cơ sở quan trọng cho sinh viên nghiên cứu, tham khảo tài liệu, thảo luận cho các kết quả nghiên cứu của mình. Sinh viên viết luận văn và trình bày báo cáo luận văn hoàn toàn vững vàng bằng Tiếng Anh (Minh chứng ???) Danh sách tên LVTN và chọn một số LVTN làm sample). Trong các báo cáo bài tập, seminar, cũng như trong khoa học tại các hội nghị và báo cáo tốt

nghiệp, sinh viên đã ứng dụng công nghệ thông tin thành thạo và thể hiện rõ bản lĩnh và kỹ năng của mình trước hội đồng. Kết quả vận dụng chiến lược giảng dạy – học tập còn thể hiện ở năng lực và tính chủ động trong tìm việc làm tốt hay chủ động tìm học bổng để học Thạc sĩ, trong và ngoài nước, sau khi tốt nghiệp (MC: Ds SV đang học ở nước ngoài,...).

4.3 Chiến lược giảng dạy và học tập luôn hướng về sinh viên và đã kích thích việc học có chất lượng

Với chiến lược giảng dạy – học tập luôn hướng về sinh viên đã kích thích sinh viên tích cực, năng động và học tập có chất lượng tốt.

- Việc thay đổi giảng dạy lý thuyết theo phương pháp truyền thống sang phương pháp dạy tích cực (gợi mở, đặt vấn đề, giới thiệu tài liệu tham khảo trước, trao đổi, kiểm tra) làm sinh viên năng động và chủ động tương tác với giáo viên và với nhau hơn trong lớp.
- Bên cạnh lý thuyết, việc tăng cường thực hành, thực tập, tham quan thực tế sản xuất (công ty, trang trại, nhà máy, các hệ sinh thái tự nhiên...) cho hầu hết mỗi môn học giúp sinh viên tiếp cận sinh động với khoa học, với tự nhiên và thực tế sản xuất và giúp củng cố tốt lý thuyết, thấy được hiện trạng, tiềm năng, cơ hội và thách thức của ngành nghề.
- Việc tạo điều kiện và đẩy mạnh hoạt động sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học, tham gia hội nghị trong và ngoài nước hàng năm của Khoa đã giúp sinh viên yêu khoa học, tăng tính hợp tác, tăng bản lĩnh của mình.
- Việc tăng cường hợp tác quốc tế trong chiến lược giảng dạy – học tập như mời giáo viên nước ngoài giảng dạy, sinh viên nước ngoài đến cùng tham gia học tập, sinh viên trong Khoa đi thực tập ở nước ngoài đã rất hữu ích và rất kích thích sinh viên, do giúp sinh viên mở rộng tầm suy nghĩ về ngành nghề trong nước và thế giới, mở rộng kiến thức và kỹ năng, mở rộng quan hệ và cơ hội cho sinh viên. Thông qua các hội nghị quốc tế, sinh viên cũng đã chủ động tiếp xúc với các chuyên gia và tìm được các học bổng quan trọng để học cao học ở nước ngoài.
- Các phương tiện hỗ trợ học tập của SV như Trung tâm HL, nguồn học liệu trên website, phòng máy tính????

4.4. Chương trình giảng dạy kích thích sinh viên học tập chủ động và hỗ trợ cho việc học cách học

GV không chỉ cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng, mà còn dạy cho sinh viên biết cách tự học tập thể hiện qua:

- (i) SV biết lập kế hoạch học tập theo khả năng của mình. Đầu HK mỗi SV đều biết lập kế hoạch học tập với môn học và số tín chỉ phù hợp với năng lực. GV hướng dẫn thảo luận với SV khi SV muốn học vượt hay ngược lại, lúc họ gặp khó khăn và giúp SV điều chỉnh kế hoạch học tập để đạt thành công.
- (ii) GV dạy SV cách tìm và xác minh tính chân thực của các nguồn tài liệu. Mỗi SV đều biết chủ động tìm tài liệu trên các websites Khoa và internet phục vụ nhu cầu học tập, tham khảo.
- (iii) dưới sự hướng dẫn của các GV thực hành và hướng dẫn thực tập SV biết cách học tập nâng cao kiến thức và kỹ năng khám phá thông qua phương pháp thực hành, tham quan, phương pháp nghiên cứu khoa học.
- (iv) SV biết tận dụng các cơ hội giao tiếp khi tham gia hội nghị quốc gia, quốc tế,...do Khoa giới thiệu và tạo điều kiện.

5. ĐÁNH GIÁ SINH VIÊN (Cô TTH Hạnh: tthhanh@ctu.edu.vn)

5.1. Khoa kiểm tra đánh giá sinh viên dựa trên qui định của Bộ Giáo Dục và Đào tạo (Exh.05.01–Qui chế 43/2007/QĐ-BGD-ĐT) và qui chế học vụ của ĐHCT (Exh.05.02) thực hiện như sau:

(1). Thi tuyển đầu vào: Nhà trường xét tuyển sinh viên vào học ngành Nuôi trồng thủy sản chương trình tiên tiến dựa trên kết quả điểm thi tuyển sinh đại học và kiểm tra trình độ tiếng Anh (Exh.05.04 – Thông báo xét tuyển CTTT....)

(2) Đánh giá quá trình học tập của sinh viên: Các đánh giá bài tập, giữa kỳ và thi cuối kỳ được tổ chức với sự giám sát chặt chẽ của CBGD, Khoa Thủy sản và trường Đại học Cần Thơ (Exh.05.05- Qui định về đánh giá kết quả học tập của sinh viên)

(3) Đánh giá luận văn tốt nghiệp cuối khóa: Mỗi SV thực hiện một đề tài phù hợp với chuyên ngành theo học, tương ứng 10 tín chỉ. Luận văn được hoàn thiện và được Hội đồng chuyên môn đánh giá và góp ý trước khi hoàn chỉnh luận văn. Sinh viên phải bảo vệ Luận văn tốt nghiệp trước Hội đồng chấm tốt nghiệp gồm 3 thành

viên trong đó có 1 thành viên là cán bộ hướng dẫn (Exh.05.06- Qui định về bảo vệ luận văn tốt nghiệp)

5.2. Trong quá trình đào tạo, toàn bộ các học phần đều được kiểm tra, đánh giá dựa trên các tiêu chí nêu rõ trong đề cương. Kết quả đánh giá thể hiện theo thang điểm, ứng với kết quả: A, B⁺, B, C⁺, C, D⁺, D và F (Exh.05.07 dùng chung Exh.05.02 – Qui chế học vụ).

Bảng 5: Bảng phân loại kết quả học tập

Phân loại	Thang điểm 10	Thang điểm 4	
		Điểm số	Điểm chữ
Xuất sắc	Từ 8.5 đến 10.0	4.0	A
Giỏi	Từ 8.0 đến dưới 8.5	3.5	B+
Khá giỏi	Từ 7.0 đến dưới 8.0	3.0	B
Trung bình khá	Từ 6.5 đến dưới 7.0	2.5	C+
Trung bình	Từ 5.5 đến dưới 6.5	2.0	C
Khá	Từ 5.0 đến dưới 5.5	1.5	D+
Yếu	Từ 4.0 đến dưới 5.0	1.0	D
Rớt	Dưới 4.0	0.0	F

Tương ứng với các mức điểm đánh giá khác nhau, sinh viên được nhìn nhận như bảng sau:

Bảng 6: Bảng mô tả kết quả đánh giá theo thang điểm

Điểm	Diễn giải
4.0	Sinh viên hoàn toàn nắm được kiến thức của môn học. Tất cả các yêu cầu đều được thực hiện tốt
3.5	Sinh viên nắm được kiến thức cơ bản của môn học. Tất cả yêu cầu của môn học đều được thực hiện
3.0	
2.5	Sinh viên nắm được một phần kiến thức môn học. Hầu hết yêu cầu

2.0	của môn học được thực hiện
1.5	Sinh viên hiểu được rất ít về môn học. Nhiều yêu cầu của môn học không được thực hiện
1.0	
0.0	Sinh viên không có kiến thức về môn học.

5.3. GV áp dụng nhiều hình thức đánh giá đa dạng thông qua các phương pháp tự đánh giá, bạn cùng học đánh giá và giảng viên đánh giá dựa trên:

- Đối với đánh giá giữa kỳ: Bài tập theo nhóm, seminar, ...
- Đối với bài thi cuối khóa: Thi viết (tự luận), trắc nghiệm, vấn đáp, luận văn,....

(Exh.05.09 – Đề thi)

5.4. Đề thi được soạn thảo nhằm đánh giá việc SV đạt được KQHT dự kiến của môn học. Nội dung đề thi bao phủ các kiến thức cơ bản của chương trình đào tạo như kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành để SV có đủ khả năng làm việc sau khi tốt nghiệp. Tương ứng với mỗi học phần trong chương trình đào tạo đều áp dụng một hình thức đánh giá, một phương pháp đánh giá phù hợp (Exh.05.10 – Đề cương chi tiết học phần).

5.5. Giảng viên sử dụng nhiều phương pháp đánh giá khác nhau để phục vụ các mục đích khác nhau, bảo đảm giúp SV hoàn thiện kỹ năng cho từng môn học...(về tính chuyên cần, làm bài tập nhóm (kỹ năng làm việc theo nhóm), khả năng nhận thức qua thảo luận nhóm, seminar (kiến thức xã hội, kỹ năng thuyết trình), kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần (hoàn thiện kiến thức cho một học phần...). Khoa thực hiện nhiều phương pháp đánh giá học phần (nhất là các học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành) nhằm đánh giá được những kiến thức môn học, kỹ năng và năng lực của SV.

Thông thường, một học phần được đánh giá thông qua 4 nội dung: sự tham gia học tập trên lớp (chuyên cần), tham gia thực hành ở phòng thí nghiệm, tham gia các buổi báo cáo seminar và thi cuối kỳ. Cuối khóa học, SV thực hiện luận văn tốt nghiệp. Quy trình thực hiện luận văn tốt nghiệp tạo sự chủ động cho SV trong việc nghiên cứu. SV tự chọn đề tài, liên hệ giáo viên hướng dẫn và đăng ký đề tài và

giáo viên hướng dẫn với Bộ môn. SV chủ động thực hiện luận văn tốt nghiệp trên cơ sở hướng dẫn của giáo viên (Exh.05.11 – Kế hoạch/Lịch thực hiện LVTN).

5.6. Trong buổi học đầu tiên của từng học phần, GV công bố đề cương chi tiết học phần, cách thức đánh giá và trọng số của việc đánh giá học phần cho SV. Mục tiêu của từng học phần cũng được công bố cho SV và việc đánh giá được chia đánh giá nhiều phần (như thực hành trong phòng thí nghiệm, đi thực tế, làm báo cáo tình huống môn học (seminar), đánh giá tính chuyên cần của SV... để đánh giá việc học tập trong từng giai đoạn và kiểm tra cuối kỳ để đánh giá toàn bộ quá trình học tập). Trọng số của việc đánh giá thông thường là theo tỉ lệ% thực hành trong phòng thí nghiệm,% báo cáo tình huống môn học và% thi kết thúc học phần (Exh.05.12 dùng chung Exh.05.10 – Đề cương chi tiết học phần).

5.7. Các tiêu chuẩn áp dụng trong kế hoạch kiểm tra đánh giá minh bạch và nhất quán trong toàn bộ chương trình đào tạo. Tất cả các thông tin về công tác đào tạo nói chung, công tác đánh giá nói riêng đều phải được công khai và minh bạch (Exh.05.13 dùng chung Exh.05.01–Quy chế 43/2007/QĐ-BGD-ĐT).

5.8. Nhà trường thường xuyên áp dụng các qui trình để bảo đảm đến mức tối đa rằng các kế hoạch kiểm tra đánh giá đều có giá trị, đáng tin cậy, và được thực hiện một cách công bằng. Việc kiểm tra đánh giá thực hiện theo một qui trình, đảm bảo tính pháp lý (Exh.05.14 - Hệ thống văn bản qui định hướng dẫn của nhà trường) và được kiểm soát bằng hệ thống (Exh.05.15 - Phần mềm quản lý, phản hồi của GV, SV, nhân viên...)

5.9. Theo qui định của nhà trường, sau khi đánh giá mỗi học phần, GV công bố công khai kết quả điểm thi và bài thi kết thúc học phần được trả lại cho SV. SV có quyền khiếu nại với GV về kết quả đánh giá này, thậm chí, khiếu nại lên nhà trường khi cần thiết. (Exh.05.16 dùng chung Exh.05.02 – Quy chế học vụ)

2.5.10. Độ tin cậy và tính giá trị của các phương pháp kiểm tra đánh giá được ghi lại bằng văn bản và thẩm định thường xuyên. Kết quả đánh giá học phần đều được ghi nhận, công khai đến người học, có độ tin cậy và có giá trị pháp lý, được ghi nhận bằng Bảng điểm kết quả học tập từng học phần, học kỳ và toàn khóa (Exh.05.17 – Bảng điểm học kỳ của SV).

Điểm mạnh

Sử dụng đa dạng hình thức đánh giá Quy trình soạn đề thi bảo đảm bao phủ nội dung và căn cứ theo tiêu chí đánh giá đảm bảo tính công bằng, khách quan cho sinh viên.

Điểm yếu

Mới bắt đầu triển khai xây dựng ngân hàng đề thi.

Kế hoạch hành động

Hoàn tất ngân hàng đề thi trong năm 2015.

6. CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ GIẢNG DẠY (Thầy PM Đức:

pmduc@ctu.edu.vn)

Chương trình tiên tiến ngành nuôi trồng thủy sản là chương trình đào tạo trình độ đại học **được đối sánh với** chương trình đào tạo tiên tiến của Đại học Auburn Hoa Kỳ nhằm tạo điều kiện để xây dựng và phát triển một số ngành đào tạo, khoa, trường đại học mạnh đạt chuẩn khu vực và đẳng cấp quốc tế; góp phần nâng cao chất lượng và triển khai các chương trình đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt nam theo phê duyệt đề án “Đào tạo theo chương trình tiên tiến tại một số trường đại học Việt Nam giai đoạn 2008-2015” theo quyết định số 1805 /QĐ-TTg, ngày 15 tháng 10 năm 2008. **Để đạt được mục tiêu của chương trình thì một trong những yếu tố quan trọng đó tiêu chuẩn Khoa đã tuyển chọn GV theo tiêu chuẩn là phải có trình độ tiến sĩ và có nhiều năm kinh nghiệm trong giảng dạy và nghiên cứu lĩnh vực liên quan** (Exh.06.01, *đề án đào tạo theo CTTT, Bộ GD&ĐT, 2008*).

6.1 Giảng viên phải có khả năng đáp ứng nhiệm vụ của họ [1]

Giảng viên dạy cho CTTT ngành NTTS có trình độ từ tiến sĩ **trở lên**, được đào tạo ở nước ngoài và có nhiều năm kinh nghiệm dạy học và nghiên cứu khoa học (Exh.06.02, *Bảng cấp và CV của GV*), thông thạo tiếng Anh (Exh.06.03, *Bảng cấp và CV của GV ĐHCT học tập ở nước ngoài*).

Về PPGD, các GV của Khoa muốn tham gia giảng dạy CT này phải qua tập huấn 2 tháng tại Trường đối tác là ĐH Auburn, Hoa kỳ về môn học sẽ dạy cho CTTT và đạt chứng nhận (Exh.06.04, *Giấy chứng nhận tập huấn ở ĐH Auburn, Hoa kỳ*).

Chương trình đào tạo có tổng số 150 TC, trong đó có 12 TC anh văn tăng cường, 18 TC dạy bằng tiếng việt và 120 TC dạy bằng tiếng Anh. Số tín chỉ được dạy từ

giảng viên ĐH Auburn Hoa Kỳ là 42%, một số trường ĐH khác như AIT thái lan, ĐH Ghent Bỉ, Arhus Đan Mạch là 15% và giảng viên ĐHCĐ là 43% trong tổng số TC được dạy bằng tiếng Anh (Exh.06.07, báo cáo đánh giá tiến độ thực hiện CTTT do Bộ GD&ĐT kiểm tra). Trước khi dạy chính thức môn học, mỗi GV của Khoa được sắp xếp để làm trợ giảng cho các GV thỉnh giảng từ các trường đối tác nước ngoài trong ít nhất 3 khóa học để trao đổi kinh nghiệm (Exh.06.05, Môn học và GV và trợ giảng phụ trách môn học).

Bảng 7: Bảng thống kê cán bộ, giảng viên (ngày cập nhật 21/1/2014)

Cán bộ giảng dạy	Nam	Nữ	Tổng số		Tỉ lệ có bằng tiến sĩ
			Số lượng	(FTEs)*	
Giáo sư	1		1		
Phó giáo sư					
Giảng viên toàn thời gian					
Giảng viên bán thời gian					
Giảng viên/giáo sư thỉnh giảng					
Tổng					

(*)FTE là viết tắt của Full Time Equivalent: số lượng cán bộ giảng viên quy đổi thành giảng viên toàn thời gian. Đây là một đơn vị tính mức đầu tư thời gian vào công việc. 1 FTE tương đương 40 giờ làm việc một tuần (tương đương thời gian làm việc toàn thời gian). Một cán bộ giảng viên làm việc 8 giờ/tuần sẽ tương đương với 0,2 FTE.

6.2 Giảng viên có đủ số lượng và khả năng để thực hiện chương trình giảng dạy [2]

Về số lượng tỷ lệ GV/SV là ???. Mỗi GV được có 01 trợ giảng??? (Exh.06.05, Môn học và GV và trợ giảng phụ trách môn học). Chất lượng GV được SV hài lòng thể hiện qua điểm đánh giá cao. Có % GV đạt ??? điểm; % đạt????, không có Gv đạt điểm kém (Exh.06.02, kết quả đánh giá môn học qua các năm)

6.3 Tuyển dụng và thăng tiến dựa trên công lao tuyển dụng? [3]

Việc tuyển chọn và nâng bậc cho giảng viên dựa trên các tiêu chuẩn về năng lực như giảng dạy, nghiên cứu và phục vụ. Tuyển chọn giảng viên thực hiện theo qui định của nhà Trường thông qua thông báo công khai tuyển dụng, nhận hồ sơ, phỏng vấn đáp ứng yêu cầu của giảng viên (Exh.06.00, Thông báo tuyển lao động). Giảng viên tiếp tục phấn đấu thông qua học tập nâng cao trình độ, nghiên cứu khoa học (Exh.06.00, qui định tuyển dụng và phấn đấu của CBGD). Những GV thỏa tiêu chuẩn về GV riêng cho CTTT (nêu trên) sẽ được phân công tham gia giảng dạy CT này.

6.4 Vai trò và mối quan hệ giữa các cán bộ được xác định rõ và được hiểu rõ [4]

Vai trò và mối quan hệ giữa các cán bộ được xác định và được hiểu rõ thông qua bảng phân công nhiệm vụ của CB (Exh.06.00, bảng phân công công việc của CBVC; Qui định về nhiệm vụ của nhà trường?). Phân công học phần giảng dạy và lĩnh vực nghiên cứu chuyên sâu nhằm cung cấp nhiều kiến thức thực tế cho sinh viên. Bên cạnh đó CBVC luôn có sự phối hợp rất chặt chẽ trong quá trình công tác (Exh.06.??, Phối hợp thực hiện trong các đề tài, dự án).

6.5 Các nhiệm vụ được xác định phù hợp với bằng cấp, kinh nghiệm và kỹ năng [5]

Việc phân công nhiệm vụ dựa trên cơ sở bằng cấp, kinh nghiệm và khả năng phù hợp của cán bộ (Exh.06.??, Bảng phân công giảng dạy trong học kỳ). Các bài báo khoa học liên quan đến chuyên môn của giảng viên (Exh.06.??, Bài báo khoa học).

Viết mô tả thêm về việc “Phân công nhiệm vụ có dựa trên các thành quả NCKH”

6.6 Khối lượng công việc và cơ chế khen thưởng được thiết kế nhằm hỗ trợ cho chất lượng dạy và học [6]

Việc quản lý thời gian và cơ chế khen thưởng nhằm đến mục tiêu thúc đẩy chất lượng giảng dạy và học tập. CBVC chủ động trong kế hoạch công tác của mình, chủ động và tích cực hoàn thành tốt nhiệm vụ theo qui định của Khoa và trường (Exh.06.??, Qui chế quản lý chuyên môn của CBGD) và (Exh.06.??, Qui định khối lượng công tác chuyên môn của CBGD).

6.7 Trách nhiệm của cán bộ được quy định hợp lý [7]

Trường ĐHCT ban hành qui định về quản lý công tác chuyên môn đối với giảng viên (Exh,06,00, quyết định về quản lý công tác chuyên môn). Trường ban hành qui định về công tác học vụ (Exh.06.??, Quyết định công tác học vụ). Giảng viên có quyền tự do và trách nhiệm trong việc thiết kế, phân phát và đánh giá bài giảng và giáo trình. Giảng viên được bố trí thời gian dạy hợp lý vừa nghiên cứu khoa học nhằm cập nhật kiến thức đưa vào bài giảng cho sinh viên (Exh.06.00, Danh sách bài báo đăng qua các năm).

6.8 Có dự liệu cho việc thẩm định, tư vấn và bố trí lại [8]

Kế hoạch công tác hàng năm, ngắn hạn và dài hạn được thực hiện rất nghiêm túc. CBVC được hưởng các quyền lợi theo luật lao động (Exh,06,00 Quyền lợi người lao động). CBVC trước khi được cử đi học, nghỉ hậu sản đều có CB khác đảm nhận công việc và bố trí lại (Exh,06,00 quyết định đi học và nhận công tác). Quy trình bầu các CB chủ chốt cấp Khoa, Trường được thực hiện 5 năm 1 lần, quy trình thực hiện dân chủ, minh bạch, bầu chọn những CB có đủ phẩm chất đạo đức và tài năng vào các vị trí quan trọng cấp Khoa và Trường (Exh,06,00 Quy trình bầu chọn CB chủ chốt cấp Khoa và Trường).

6.9 Thôi việc, nghỉ hưu và phúc lợi xã hội được lập kế hoạch và thực hiện tốt [9]

Những quyết định về nhân sự như thôi việc, nghỉ hưu và các phúc lợi xã hội đều được lên kế hoạch trước và thực hiện nghiêm (Exh.06.?? quyết định thôi việc, quyết định nghỉ hưu). Phòng tổ chức cán bộ của Trường ĐHCT chịu trách nhiệm thông báo cho CBVC gần đến tuổi nghỉ hưu là 60 đối với CB nam và 55 đối với CB nữ. Trường sẽ ra quyết định nghỉ hưu theo chế độ nghỉ hưu (Exh,06?? quyết định nghỉ hưu). Tuy nhiên, đối với CBVC đã đến tuổi nghỉ hưu nhưng vẫn muốn tiếp tục làm việc đóng góp cho nhà Trường và Khoa thì sẽ ký hợp đồng lao động có thời hạn 02 năm (Exh,06,?? Hợp đồng lao động đối với CB nghỉ hưu). Bên cạnh đó, Công đoàn cấp Khoa và Trường thực hiện tốt chính sách quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần của CBVC. Công đoàn Khoa thường xuyên thăm hỏi, động viên, giúp đỡ CBVC khi bị bệnh hoặc gia đình gặp khó khăn (Exh,06,?? Thăm hỏi CBVC bị bệnh/thăm hỏi gia đình CBVC gặp khó khăn). CBVC nghỉ hưu được hưởng phúc lợi xã hội, bảo hiểm theo luật lao động. Ngoài ra, nhà Trường và Khoa còn thăm hỏi và hỗ trợ cho CB hưu trí trong những dịp lễ quan trọng như ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11 và Tết cổ truyền (Exh,06.?? Danh sách

CB hưu trí nhận quà). Hàng năm, Khoa còn tổ chức nhiều đợt nghỉ mát cho CBVC trong dịp hè tạo bầu không khí vui chơi phấn khởi cho CBVC.

6.10 Có hệ thống đánh giá, khen thưởng hợp lý [10]

Trường ĐHCT rất quan tâm đến công tác đánh giá và khen thưởng CBVC xem đây là nhiệm vụ trọng tâm được thực hiện hàng năm nhằm kích lệ sự phấn đấu của CBVC (Exh.06.?? CV thông báo đánh giá khen thưởng hàng năm của Trường). Nhà trường ban hành quyết định về quản lý công tác chuyên môn đối với giảng viên trường ĐHCT (Exh.06.?? quyết định về quản lý công tác chuyên môn) và quyết định về tổ chức quản lý công tác đào tạo nâng cao trình độ đối với viên chức trường ĐHCT (Exh.06.?? quyết định về tổ chức quản lý công tác đào tạo nâng cao trình độ đối với viên chức trường ĐHCT) đó là những căn cứ quan trọng giúp cho việc đánh giá có hệ thống và khen thưởng hợp lý. Qui định liên quan đến chế độ chính sách, khen thưởng, kỷ luật đều được thông báo trên trang web của nhà trường (Exh.06.?? qui định khen thưởng, đánh giá thông báo trên trang web). Hàng năm, vào đầu năm học CBVC lập kế hoạch công tác cá nhân và phiếu đăng ký thi đua (Exh.06.?? Lập kế hoạch công tác cá nhân; Exh.06.?? Phiếu đăng ký thi đua) và phiếu nhận xét học phần (Exh.06?? Phiếu nhận xét học phần) đây được xem là minh chứng để đánh giá CBVC hoàn thành nhiệm vụ của mình ở mức độ nào để đánh giá vào cuối năm học. Hội đồng thi đua khen thưởng cấp Khoa xem xét trước sau đó đề xuất lên cấp Trường căn cứ vào mức độ hoàn thành nhiệm vụ, sự sáng tạo, hiệu quả đóng góp cho nhà Trường có nhiều mức danh hiệu thi đua khen thưởng khác nhau như chiến sĩ thi đua, lao động tiên tiến, hoàn thành nhiệm vụ dựa theo qui định thi đua khen thưởng (Exh.06.?? Luật thi đua khen thưởng của nhà nước và Exh.06.?? qui định thi đua khen thưởng của trường).

7. CHẤT LƯỢNG CÁN BỘ HỖ TRỢ (Thầy NT Long: nlong@ctu.edu.vn)

7.1 Mô tả

Văn phòng Khoa là bộ phận tham mưu và giúp việc cho Ban chủ nhiệm Khoa trong công tác quản lý và điều hành hoạt động của đơn vị.

Đội ngũ cán bộ hỗ trợ gồm: 15 cán bộ, trong đó có 1 thủ thư trình độ **trung cấp ngành gi?**, 1 trợ lý thiết bị trình độ cao đẳng, 6 cán bộ (3 thạc sĩ, 3 đại học) thuộc nhóm giáo vụ - văn thư - tài chính - tổ chức và 7 nhân viên phục vụ khác (Exh.07.01).

Tất cả các trợ lý chuyên trách (kể rõ là chuyên trách gì mấy người?) đều tốt nghiệp đại học và sau đại học, trừ trợ lý thiết bị có trình độ cao đẳng. Các trợ lý đã được định kỳ hàng năm bồi dưỡng thêm về kiến thức chuyên môn, kiến thức quản lý nhà nước, ngoại ngữ và tin học để hỗ trợ hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao (MC: các chứng chỉ của trợ lý).

Các cán bộ hỗ trợ khác được phân công đảm trách nhiều công việc chuyên môn khác nhau chưa rõ công việc gì?, tự chịu trách nhiệm và chủ động thực hiện nhiệm vụ mình phụ trách (Exh.07.02). Hàng năm, tất cả các cán bộ hỗ trợ đều được Ban chủ nhiệm Khoa đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Cán bộ quản lý thư viện có hơn 17 năm làm công tác thư viện. Cô đã được tham dự các khóa tập huấn về công tác thư viện nên việc quản lý thư viện được người sử dụng đánh giá cao (Exh.07.03: kết quả khảo sát ý kiến GV, SV về TV).

Mỗi bộ môn đều có nhiều phòng thí nghiệm ở nhiều lĩnh vực liên quan thủy sản phục vụ cho cán bộ và sinh viên nghiên cứu và được phân công cán bộ quản lý các phòng thí nghiệm này (Exh.07.04). Các cán bộ quản lý phòng thí nghiệm có trình độ ??? cùng chuyên môn với phòng thí nghiệm do mình quản lý nên thuận lợi cho sinh viên và cán bộ triển khai thí nghiệm và học tập tại phòng thí nghiệm.

7.2 Phân tích và đánh giá

7.2.1 Điểm mạnh

Đội ngũ cán bộ hỗ trợ có thâm niên và kinh nghiệm trong công tác đạo tạo của khoa như: Giáo vụ, thiết bị, nghiên cứu khoa học, quản lý sinh viên, của Khoa nhiều năm trong các lĩnh vực đảm trách nên các hoạt động chung của đơn vị được thuận lợi, nhanh chóng.

7.2.2 Điểm hạn chế

- Nhu cầu lượng sinh viên, cán bộ thực tập và nghiên cứu ngày càng nhiều nhưng còn thiếu CB có trình độ kỹ thuật phụ trách sửa chữa trang thiết bị.

7.2.2 Kế hoạch hành động

- Bổ sung CB có trình độ kỹ thuật phụ trách sửa chữa trang thiết bị vào tháng... năm....

8. CHẤT LƯỢNG SINH VIÊN (Cô TTH Hạnh: tthhanh@ctu.edu.vn)

8.1. Chính sách tuyển sinh

Việc chọn sinh viên đầu vào cho ngành này được dựa vào điểm chuẩn sau thi tuyển sinh đại học, **thi tuyển tiếng Anh???** và nguyện vọng của sinh viên.

Theo quy định của Bộ GD & ĐT, Khoa Thủy sản đã lập các văn bản cung cấp các thông tin có liên quan đến vấn đề tuyển sinh cụ thể, rõ ràng và minh bạch đồng thời phổ biến thông tin này rộng rãi trên các trang web tuyển sinh để các ứng viên có thể nhận được nguồn tin chính xác nhất (**Exh.08.01 – CV v/v lập danh mục ngành, chuyên ngành tuyển sinh đại học**).

Các chỉ tiêu tuyển sinh đầu vào hàng năm cho ngành học này được Khoa căn cứ từ ý kiến do Phòng Đào tạo đề nghị. Sau đó chỉ tiêu tuyển sinh sẽ được xét duyệt theo quy trình gồm 3 giai đoạn: (1) Khoa nộp cho trường xem xét bảng tổng hợp đề xuất chỉ tiêu tuyển sinh cho từng chuyên ngành; (2) Ban Giám Hiệu xem xét các trường hợp và góp ý cho các nội dung đề xuất của từng Khoa; (3) Bộ GD & ĐT dựa trên các chỉ tiêu phê duyệt của trường đề ban hành chính thức chỉ tiêu tuyển sinh cho Trường ĐHCT và Khoa Thủy sản (**Exh.08.02 – Kế hoạch tuyển sinh**).

Hàng năm, Bộ GD & ĐT tiến hành tổ chức kỳ thi tuyển sinh toàn quốc đồng loạt và nghiêm túc để đảm bảo tính minh bạch và công bằng. Tất cả các ứng viên đủ điều kiện theo học tại Khoa đều phải trải qua kỳ thi này và các quy định của kỳ thi đều được hướng dẫn cụ thể trong sách Hướng dẫn tuyển sinh phát cho các ứng viên khi đăng ký tham gia (**Exh.08.01, Exh.08.02, Exh.08.03 – Quy chế tuyển sinh ĐH, CD hệ chính qui**). Sau đó, dựa trên kết quả tổng hợp về điểm số các môn thi của các ứng viên trong kỳ thi, Khoa và Trường chọn lại các ứng viên đủ điều kiện theo điểm số lấy từ trên xuống theo chỉ tiêu dự kiến ban đầu và tối thiểu phải lớn hơn hoặc bằng mức điểm sàn do Bộ quy định cho từng khối thi. Cuối cùng, danh sách ứng viên đủ điều kiện dự học sẽ được công bố trên trang web của trường, báo chí và gửi thư thông báo đến các địa chỉ của ứng viên (**Exh.08.04 – Trang web Tuyển sinh Trường**)

Bảng 3: Sinh viên tuyển mới năm thứ nhất

Năm học	Toàn thời gian			Bán thời gian		
	Nam	Nữ	Tổng cộng	Nam	Nữ	Tổng cộng
2013-2014	18	14	32	0	0	0
2012-2013	07	06	13	0	0	0
2011-2012	17	15	32	0	0	0
2010-2011	07	09	16	0	0	0
2009-2010	08	12	20	0	0	0
2008-2009	20	10	30	0	0	0

Bảng 4: Tổng số sinh viên (5 năm gần nhất)

Năm học	Toàn thời gian			Bán thời gian		
	Nam	Nữ	Tổng cộng	Nam	Nữ	Tổng cộng
2013-2014	18	14	32	0	0	0
2012-2013	07	06	13	0	0	0
2011-2012	17	15	32	0	0	0
2010-2011	07	09	16	0	0	0
2009-2010	08	12	20	0	0	0

8.2 Hoạt động tuyển chọn người học

Phân tích hiệu quả của hoạt động tuyển chọn người học

Minh chứng: Quy trình tuyển sinh; lựa chọn sinh viên; bảng điểm đầu vào sinh viên từng khóa

Theo quy định của Bộ GD & ĐT để đảm bảo tính minh bạch và tạo điều kiện cho các sinh viên mới làm quen với môi trường học tập mới tại trường đại học. Trường có trách nhiệm thông báo đến các sinh viên đủ điều kiện chậm nhất là đầu tháng 9 để các tân sinh viên có thể hoàn thành thủ tục nhập học tại trường vào đầu tháng để học kỳ mới diễn ra kịp thời. Các tài liệu cần thiết cho sinh viên trong năm đầu tiên sẽ được phát khi sinh viên làm thủ tục nhập học (Exh.08.05 – Thông báo nhập học của PCTSV, Exh.08.06 – Cẩm nang SV, Exh.08.07 – Quy chế học vụ).

8.3 Thời lượng học tập thực tế

Mô tả và phân tích khối lượng toàn chương trình đào tạo, việc phân bổ tín chỉ cho từng học kỳ, khóa học....để cho thấy sự phù hợp trong việc phân bổ khối lượng học tập

Mô tả kết quả học tập của sinh viên (điểm, mức độ hoàn thành theo từng học kỳ,..)

Mức độ sinh viên tham gia vào các hoạt động ngoại khóa..

Kết quả phản hồi của GV, SV về thời lượng học tập

Minh chứng: Khối lượng học tập của sinh viên, hệ thống tín chỉ, sự tham gia của sinh viên vào các hoạt động ngoại khóa, phi học thuật..

Khối lượng chương trình học tập được quy định cụ thể trong khung chương trình được thiết kế riêng và phù hợp với ngành học (Exh.08.08 – Chương trình đào tạo CTTT). Lập kế hoạch học tập của học sinh được hướng dẫn cụ thể từ các cố vấn học tập. Kế hoạch học tập dự kiến được hoàn thành trong 4,5 năm. Sinh viên được phép đăng ký tối đa 20 tín chỉ/HK, tương đương với 6 – 7 môn học trong mỗi học kỳ chính. Mỗi môn học từ 1-3 tín chỉ. Mỗi tín chỉ bao gồm 15 giờ trong lớp giờ và 30 giờ tự học. Trường cũng mở học kỳ thứ ba (học kỳ diễn ra trong hè) cho những sinh viên muốn rút ngắn thời gian học tập của họ hoặc hoàn thành các học phần chưa tích lũy (Exh.08.09 – TKB HK hè).

Theo quy chế học tập Khoa và Trường, sau khi hoàn thành 138 tín chỉ, trong đó có các tín chỉ bắt buộc và các tín chỉ tự chọn, hệ thống máy tính của Trường sẽ tự động thông báo danh sách các sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp. Danh sách này được xuất ra sau mỗi học kỳ học. Sau đó, Khoa thành lập ủy ban Kiểm tra và xét tốt nghiệp, bao gồm các thành viên Ban chủ nhiệm Khoa, trưởng bộ môn, các cố vấn học tập và cán bộ phụ trách đào tạo của Khoa. Ủy ban có trách nhiệm kiểm tra

xem học sinh theo đúng các chương trình đào tạo và hoàn thành nhiệm vụ của sinh viên theo quy định của Trường. Sau đó, sinh viên được cấp Quyết định và Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình (Exh.08.10 – Biên bản xét TN, Exh.08.11 – Danh sách SV TN, Exh.08.12 – QĐ SV TN). (đưa phần này sang bên TC 5 Đánh giá SV thì hợp hơn)

Điểm mạnh

- Qui trình tuyển sinh khoa học, thực hiện nghiêm túc, tuyển được SV có năng lực phù hợp

Điểm yếu

Dù nhu cầu của ĐBSCL về nguồn nhân lực chất lượng cao ngành thủy sản rất lớn và đang gia tăng, số lượng sinh viên các khoá của Khoa không ổn định qua các năm. Đó là do xu hướng XH những năm gần đây tập trung vào các ngành kinh tế, quản lý, ít quan tâm đến các ngành nông nghiệp, kỹ thuật. Đây cũng là khó khăn của Khoa trong việc tuyển sinh.....

Hành động

- Quảng bá và truyền thông để ngành NTTS thu hút SV hơn.

9. HỖ TRỢ VÀ TƯ VẤN SINH VIÊN (Cô TTH Hạnh: tthhanh@ctu.edu.vn)

9.1. Hệ thống giám sát tiến độ học tập của sinh viên

Hệ thống và nhiệm vụ hỗ trợ sinh viên của các cố vấn học tập được trường thiết lập theo quy định tại Quyết định Số 2067/QĐ-ĐHCT năm 2007 (Exh.09.01). Cố vấn học tập phải có ít nhất 3 cuộc họp với các lớp được phân công vào đầu, giữa và cuối của mỗi học kỳ để cung cấp thông tin và hỗ trợ kịp thời cho sinh viên khi sinh viên có bất kỳ vấn đề nào trong học tập của mình. Hàng tháng, các cố vấn học tập báo cáo tình hình học tập của sinh viên trong lớp cho Trợ lý Giáo vụ qua email (Exh.09.03 - Hội tổ các file báo cáo). Nhà trường đã tin học hoá hoàn toàn các hệ thống quản lý kế hoạch học tập, nhằm đảm bảo tự động hóa hệ thống và tiếp cận tốt hơn cho tất cả các bên có liên quan. (Exh.09.02 – Trang web Quản lý đào tạo).

9.2. Sinh viên nhận được thông tin tư vấn, hỗ trợ và phản hồi về hoạt động học tập của mình một cách đầy đủ.

Sinh viên được tiếp nhận trực tiếp và đầy đủ các lời khuyên, cũng như sự hỗ trợ và phản hồi từ cố vấn học tập, Phòng Công tác Sinh viên và các hệ thống hỗ trợ khác (Exh.09.05 - Các thông báo,...). Sự nhiệt tình của tất cả các giảng viên và tư vấn viên trong trường đảm bảo cung cấp các điều kiện tốt nhất cho sinh viên theo học chương trình đào tạo tại đây. Đặc biệt, sinh viên nhận được các sự hỗ trợ sau đây trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu:

1). *Hỗ trợ giáo dục*: Mỗi sinh viên được giám sát bởi một cố vấn học tập - người thường xuyên theo dõi sự tiến bộ của sinh viên. Các cố vấn học tập có trách nhiệm tư vấn cho sinh viên về các vấn đề trong học tập, giúp các em xây dựng kế hoạch học tập toàn khóa, lựa chọn các môn học phù hợp với từng học kỳ, sử dụng cơ sở vật chất của trường, và tìm hiểu các quy định học tập (Exh.09.06 - Sổ tay CVHT).

2). *Hỗ trợ về mặt tài chính và học bổng*: Để khuyến khích sinh viên học tốt, dựa trên kết quả học tập của mỗi học kỳ, trường Đại học Cần Thơ tạo điều kiện cấp học bổng cho các sinh viên xuất sắc, giỏi chiếm khoảng 13,5% số lượng sinh viên mỗi lớp. Bên cạnh các học bổng của trường, Khoa cũng có học bổng riêng để khuyến khích sinh viên (Exh.09.07 - Học bổng của Quỹ Khuyến học, Exh.09.08 - Học bổng của Cty UV, Exh.09.09 - Học bổng của Cty Vĩnh Hoàn,). Hơn nữa, trường Đại học Cần Thơ cũng thường xuyên kêu gọi sự hỗ trợ tài chính của các doanh nghiệp trong khu vực cung cấp học bổng thêm cho các sinh viên xuất sắc và có hoàn cảnh gia đình khó khăn (Exh.09.10 - Học bổng của Wilmar Agro Việt Nam, Exh.09.11 - Học bổng Lotus, Exh.09.12 - Học bổng AgriBank Cần Thơ, Học bổng Tây Nam bộ, Học bổng Vòng tay đồng đội,...).

3). *Hướng nghiệp & Việc làm*: Đối với các sinh viên năm cuối, Khoa sẽ giúp sinh viên tìm kiếm và lựa chọn các tổ chức, doanh nghiệp thích hợp cho sinh viên thực tập - dựa vào các mối quan hệ của Khoa, Trường với các tổ chức, doanh nghiệp; ngoài ra hỗ trợ cho họ một phần các chi phí đi lại, chuẩn bị luận văn tốt nghiệp và các dịch vụ tổ chức khác phục vụ cho báo cáo tốt nghiệp (Exh.09.13 - QĐ SV thực tập....). Trong thời gian thực tập và viết luận văn tốt nghiệp, các sinh viên được giám sát bởi cán bộ hướng dẫn từ các bộ môn mà sinh viên đã được học. Ngoài ra, nhà trường còn thường xuyên phối hợp với các tổ chức, doanh nghiệp địa phương để tổ chức triển lãm hội chợ việc làm - nơi mà sẽ cung cấp một mạng lưới liên kết giữa sinh viên và các công ty để giúp các sinh viên được tiếp cận với thị trường lao động.

4). *Các dịch vụ sinh viên*: Ngoài sự giúp đỡ từ phía nhà trường và các cố vấn học tập đối với các vấn đề học tập, sinh viên chủ yếu được hỗ trợ từ Phòng Công tác Sinh viên của trường cho cuộc sống học tập. Phòng Công tác Sinh viên là đơn vị hỗ trợ đề đạt các kiến nghị với Hiệu trưởng thực hiện chính sách sinh viên về các vấn đề xã hội, học bổng và học phí, khen thưởng, kỷ luật, tư vấn về học tập, cuộc sống, chỗ ở, việc làm, y tế, và quản lý sinh viên trong và ngoài ký túc xá (Exh.09.14 – Khen thưởng SV, Exh.09.15 – Kỷ luật SV, Exh.09.16 – Thông báo khám sức khỏe, Exh.09.17 – Thông báo nộp sổ ngoại trú,....).

5). *Hỗ trợ nhà ở*: Ký túc xá của trường Đại học Cần Thơ cung cấp chỗ ở cho khoảng 4.000 sinh viên. Con số này tăng trong năm 2013 từ khi trường dành một khu đất lớn để xây dựng ký túc xá mới (khu B) trong khuôn viên trường để đảm bảo đủ chỗ ở cho sinh viên (Exh.09.18 – Thông báo KTX....). Trước khi có Ký túc xá khu B, Phòng Công tác Sinh viên thương lượng với ký túc xá ngoài trường để cung cấp chỗ ở giá rẻ dành cho các sinh viên không thể đặt chỗ trong ký túc xá của trường do năng lực hạn chế (Exh.09.19 – Minh chứng từ Phòng CTSV).

6). *Chăm sóc y tế*: Tất cả các sinh viên năm nhất được kiểm tra sức khỏe tổng quát vào đầu năm học. Việc kiểm tra nhằm cung cấp thông tin về tình trạng sức khỏe của sinh viên và đề tư vấn cho sinh viên chăm sóc bản thân họ để luôn trong tình trạng tốt nhất khi theo học tại trường (Exh.09.20 – TB khám sức khỏe đầu khóa). Tất cả sinh viên được yêu cầu phải mua bảo hiểm y tế để đảm bảo các khoản chi ngoài trong các trường hợp bệnh (Exh.09.21 – TB đóng BHYT). Ngoài ra, Phòng Công tác Sinh viên cũng thường xuyên cung cấp thông tin về dịch bệnh và tư vấn phương pháp phòng tránh (Exh.09.22 – TB cảnh báo về bệnh Rubella).

9.3. Tư vấn đầy đủ cho sinh viên.

Sinh viên nhận được hỗ trợ tư vấn đầy đủ từ phía nhà trường. Vào đầu năm thứ nhất, lớp học được quản lý bởi một cố vấn học tập phụ trách tham mưu cho sinh viên về học tập, giúp các em xây dựng kế hoạch học tập cho toàn khóa học, lựa chọn các môn học phù hợp với từng học kỳ, sử dụng cơ sở vật chất của trường, và tìm hiểu các quy định học tập do đó SV được làm quen với môi trường học tập mới của trường đại học (Exh.09.23 – Danh sách lớp, Exh.09.24 – Quyết định & Danh sách CVHT). Vào đầu năm học, có một cuộc họp giữa cố vấn học tập và lớp. Trong buổi họp mặt đó, cố vấn học tập ngoài việc tư vấn cho sinh viên trong các hoạt động sắp diễn ra còn tổ chức thành lập Ban Cán sự của lớp. Thành viên Ban

Cán sự sẽ thường xuyên liên hệ với cố vấn học tập để truyền đạt các ý kiến và câu hỏi từ sinh viên trong lớp để đảm bảo mọi vấn đề trong hoạt động học tập được giải quyết đầy đủ và kịp thời (Exh.09.25 – Biên bản sinh hoạt đầu năm giữa CVHT và SV, Exh.09.26 – Danh sách BCS lớp). Đoàn Thanh niên cũng đóng vai trò quan trọng trong tư vấn cho sinh viên. Hầu hết các sinh viên đều là đoàn viên và vì vậy hai bên được hưởng lợi từ các hoạt động của chung. Trường và Khoa luôn có kế hoạch nâng cao vai trò của Đoàn Thanh niên trong tư vấn cho sinh viên (Exh.09.27 - Kế hoạch sinh hoạt đầu năm, Exh.09.28 - Kế hoạch tổ chức đón tân sinh viên).

9.4. Môi trường giáo dục thể chất, xã hội và tâm lý cho các sinh viên.

Trường ĐHCT tọa lạc tại ngoại ô Tp Cần Thơ, khuôn viên có nhiều cây xanh, kiến trúc hài hòa với thiên nhiên cung cấp cho SV một môi trường xanh sạch đẹp thuận lợi cho việc học tập và rèn luyện thể lực. Mô tả về hệ thống xử lý rác thải, PCCC và nhân sự làm công việc vệ sinh và bảo vệ an ninh của Khoa

Để tạo ra một môi trường giải trí lành mạnh cho sinh viên, mỗi năm Khoa Thủy sản tổ chức các chương trình văn nghệ, các cuộc thi thể thao, cắm trại và đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho các lớp thực hiện các kế hoạch, chương trình riêng của mình, và sẽ được giám sát, phê duyệt và hỗ trợ dựa trên cơ sở các đề đạt gửi lên. Những sinh viên tham gia các sự kiện đạt thành tích sẽ được ghi nhận khen thưởng (Exh.09.29 - Kế hoạch hội diễn văn nghệ, hội thao, Exh.09.30 - Kế hoạch và chương trình cắm trại ngày 26/3, Exh.09.31 – Danh sách khen thưởng SV).

Đặc biệt, trong mỗi học kỳ, Khoa Thủy sản có tổ chức một cuộc họp giữa Ban chủ nhiệm Khoa và các sinh viên. Thông qua các cuộc họp, ngoài việc đưa ra câu trả lời cho câu hỏi từ các sinh viên, đại diện Ban chủ nhiệm Khoa cũng nhanh chóng cung cấp các giải pháp cho các vấn đề nêu ra bởi các sinh viên để tạo ra môi trường tốt nhất cho các sinh viên học tập (Exh.09.32 – Biên bản họp giữa BCN Khoa và SV). Ngoài các cuộc họp chính thức, sinh viên có thể gửi yêu cầu vào Ban chủ nhiệm Khoa thông qua email hoặc liên hệ trực tiếp tại Văn phòng Khoa (Exh.09.33 – Email của SV hỏi về vấn đề học bổng, học tập,...).

Điểm mạnh

- Thông qua hệ thống quản lý tiến trình thực hiện kế hoạch học tập và theo dõi chặt chẽ kết quả, sự tiến bộ của sinh viên, các cố vấn học tập và Khoa hỗ trợ sinh viên kịp thời tư vấn và giúp đỡ cho sinh viên khi cần thiết.
- Cảnh báo học vụ giúp gia đình các sinh viên và nhà trường có sự quan tâm sâu sát hơn đến tình hình học tập của con em mình để có những hành động, biện pháp kịp thời giúp đỡ sinh viên học tập tốt hơn trong học kỳ tiếp theo.
- Cung cấp tài liệu học tập phong phú. Sinh viên có thể truy cập vào một số lượng lớn các sách tham khảo và các tạp chí khoa học từ Trung tâm học liệu của trường và thư viện Khoa.
- Trường và Khoa sử dụng các mối quan hệ của mình với các doanh nghiệp trong khu vực để tìm nhiều suất học bổng cho các đối tượng là sinh viên nghèo vượt khó học giỏi và sinh viên có kết quả học tập cao. Điều này tạo ra một động lực mạnh mẽ cho các sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo.

Điểm yếu

- SV chưa chủ động liên hệ CVHT hoặc nhà trường khi cần được hỗ trợ dẫn đến tình trạng trễ nãi trong các sự vụ cần được giải quyết.

Kế hoạch hành động

- Khoa và trường sắp xếp lại các đơn vị hỗ trợ và tăng cường cán bộ cho các bộ phận chuyên trách hỗ trợ sinh viên.

10. TRANG THIẾT BỊ VÀ CƠ SỞ HẠ TẦNG (Thầy NT Long: ntlong@ctu.edu.vn)

10.1 Mô tả

10.1.1 Phòng học

Đầu năm 2010 Khoa đã đưa vào sử dụng nhà học 5 tầng với 21 phòng học có tổng diện tích mặt sàn là 1.504 m² với sức chứa khoảng 1.260 sinh viên, tổng kinh phí đầu tư xây dựng 28.844.231.000 đ, trong đó kinh phí cho các thiết bị & dụng cụ phục vụ giảng dạy và học tập là 2.590.234.154 đ từ kinh phí của Bộ Giáo dục và Đào tạo và kinh phí đối ứng của Trường Đại học Cần Thơ (Exh.10.01). Cơ sở này đã tạo điều kiện tốt cho công tác giảng dạy và học tập.

Các phòng học đã được trang bị máy chiếu LCD, màn che ánh sáng đã hỗ trợ tốt cho công tác giảng dạy và học tập. Khu vực phòng học luôn được duy trì vệ sinh sạch sẽ nên góp phần tốt cho sinh khí giảng dạy và học tập. Riêng đối với phòng học của ngành thủy sản tiên tiến được trang bị thêm máy điều hòa để tạo thuận lợi cho cán bộ và sinh viên học tập. Nhất là cán bộ người nước ngoài tránh bị oi bức trong thời tiết nóng nực của Việt Nam, tập trung vào giảng dạy được tốt hơn (Exh.10.02). Bên cạnh đó Khoa cũng trang bị một hội trường 90 chỗ với đầy đủ tiện nghi như ghế niệm, âm thanh, máy lạnh, máy chiếu LCD để phục vụ sinh viên tham dự báo cáo chuyên đề và hội thảo (Exh.10.03).

Trong năm 2010, Khoa cũng đã trang bị 1 phòng thính thị sức chứa 25 sinh viên, với kinh phí là 500 triệu đồng từ nguồn kinh phí của Chương trình tiên tiến (Exh.10.04). Phòng thính thị này đã tạo điều kiện tốt cho các sinh viên ngành tiên tiến thủy sản học tập nâng cao trình độ ngoại ngữ trước khi vào học chính khóa.

Ngoài ra Khoa cũng dành riêng 1 phòng làm văn phòng cho Chương trình tiên tiến thủy sản, nơi dành cho cán bộ quản lý ngành thủy sản tiên tiến và các chuyên gia giảng dạy ngành Tiên tiến làm việc trong thời gian giảng dạy tại trường.

Khoa Thủy sản ưu tiên tạo điều kiện tốt cho công tác giảng dạy và học tập, nhất là giảng dạy và học tập của ngành thủy sản tiên tiến. Luôn lắng nghe góp ý và chỉnh sửa kịp thời.

10.1.2 Thư viện

Thư viện Khoa Thủy sản được bố trí một phòng 96 m² ở tầng 2 của nhà học Khoa Thủy sản để bố trí lưu trữ sách chuyên ngành và phòng đọc. Thư viện Khoa với nguồn tài liệu đa dạng khoảng 4.152 đầu sách chuyên ngành tiếng Việt và 1.781 đầu sách chuyên ngành tiếng Anh (đến cuối năm 2013) (Exh.10.05). Năm 2009, được sự tài trợ của Ngân hàng thế giới, Thư viện Khoa đã mua thêm 248 đầu sách

chuyên ngành tiếng Anh, với kinh phí hơn 7.000 USD (Exh.10.06). Ngoài ra số lượng tạp chí hiện có trong Thư viện là 790 nhãn, trong đó năm học 2009-2010 thư viện đã nhận về khoảng 200 quyển tạp chí. Riêng với nguồn kinh phí của chương trình tiên tiến năm 2009, Khoa đã trang bị thêm 64 đầu sách chuyên ngành tiếng Anh với kinh phí hơn 20.700.000 đ (Exh.10.07). Năm 2013 thư viện được bổ sung 143 quyển sách tiếng Việt và 19 quyển tiếng Anh.

Thư viện Khoa đảm bảo cung cấp đủ thông tin về ngành NTTS cũng như thông tin của các ngành khác trong lĩnh vực thủy sản, giúp sinh viên học tập và nghiên cứu khoa học được thuận lợi. Thư viện tạo mọi điều kiện thuận lợi cho sinh viên khi có nhu cầu học tập và tra cứu tài liệu tại đơn vị. Thư viện hoạt động theo qui định của nhà trường và những qui định của Khoa đề ra, và có các chế tài đối với độc giả khi học tập và làm việc tại Khoa. Thư viện hoạt động theo giờ hành chính 5 ngày/tuần và 8 giờ/ngày. Riêng hai buổi chiều Thứ 4 và Thứ 6 sinh viên hỗ trợ cán bộ thư viện sắp xếp lại sách trong thư viện (Exh.10.08).

Thư viện Khoa liên kết với Trung tâm học liệu của nhà trường nhằm bổ sung tài liệu, giúp độc giả cập nhật những kiến thức mới về chuyên ngành thủy sản (Exh.10.09). Ngoài ra Thư viện còn liên kết với các đơn vị khác ngoài trường như Trung tâm Tin học và Thống kê - Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; Hiệp hội Chế biến Xuất khẩu thủy sản Việt Nam; Trung tâm Đào tạo và Xúc tiến thương mại VASEP; Trung tâm Thông tin khoa học và Công nghệ quốc gia để cung cấp và bổ sung tài liệu cho thư viện Khoa.

10.1.3 Phòng máy tính và hệ thống WIFI

Khoa Thủy sản trang bị 2 phòng máy tính với diện tích lần lượt là 96 m² và 64 m². Phòng 96 m² được trang bị 49 máy tính và được mở cửa giờ hành chính, 8 giờ/ngày, từ Thứ Hai đến Thứ Bảy hàng tuần để sinh viên tra cứu tài liệu và tự học. Phòng còn lại với 32 máy tính dùng để giảng dạy thực hành của các môn học có sử dụng máy tính. Phòng này cũng được mở cửa cho sinh viên tra cứu và tự học khi số lượng sinh viên có nhu cầu cao. Kết quả mỗi ngày có khoảng 100 lượt sinh viên đến sử dụng máy tính cho công việc học tập.

Bên cạnh đó, hệ thống WIFI cũng được lắp đặt trong toàn trường và khu vực Khoa Thủy sản nhằm tạo điều kiện cho cán bộ và sinh viên có thể truy cập thông tin bằng máy tính cá nhân (Exh.10.10).

Các phòng máy tính và hệ thống WIFI trong Khoa Thủy sản được quản lý bởi nhân viên của Trung tâm Thông tin và Quản lý mạng của Trường Đại học Cần Thơ nên việc vận hành, bảo trì được thực hiện thường xuyên. Chính vì vậy các máy tính hư hỏng được sửa chữa kịp thời, luôn duy trì số lượng máy cho sinh viên sử dụng. Hệ thống WIFI cũng đảm bảo hoạt động tốt cho công tác giảng dạy và học tập. Chính vì vậy Khoa Thủy sản không cần nhân viên quản lý phòng máy tính và hệ thống WIFI mà vẫn đảm bảo truy cập thông tin trên internet phục vụ cho công tác học tập và nghiên cứu của cán bộ và sinh viên.

10.1.4 Phòng thí nghiệm, thực hành

Khoa có đủ các phòng thực hành, thí nghiệm, các trạm trại thực nghiệm phục vụ cho việc giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học theo yêu cầu của ngành nghề đào tạo. Số lượng các phòng thí nghiệm đáp ứng đủ cho công tác đào tạo. Khoa Thủy sản có tổng số phòng thực hành và phòng thực nghiệm là 49 phòng với tổng diện tích hơn 1.716 m² (Exh.10.11).

Bên cạnh đó, do yêu cầu đặc thù của ngành đào tạo, Khoa còn xây dựng thêm một số trạm trại để phục vụ cho các hoạt động nghiên cứu của CBGD và sinh viên; các đề tài, chương trình hợp tác với các đơn vị trong và ngoài nước. Khoa Thủy sản có hơn 17 trại thí nghiệm với diện tích 3.311 m² (Exh.10.12). Ngoài những cơ sở tại ĐHCT, Khoa còn có một trại thực nghiệm thủy sản nước lợ tại huyện Vĩnh Châu tỉnh Sóc Trăng với hơn 17 ha phục vụ cho nghiên cứu và sinh viên thực tập.

Các phòng thí nghiệm luôn được bảo trì, nâng cấp hàng năm bằng nguồn kinh phí đầu tư của nhà trường (Exh.10.13) và từ các chương trình dự án hỗ trợ.

Năm 2013, Khoa Thủy sản đã hoàn thành xây dựng wet lab mới với tổng diện tích làm 1.000 m² dành cho sinh viên ngành tiên tiến thủy sản thực tập và bố trí thí nghiệm ở các lĩnh vực nuôi thủy sản nước ngọt, nước lợ và môi trường với tổng đầu tư hơn 1,5 tỉ đồng từ nguồn kinh phí của chương trình tiên tiến thủy sản (Exh.10.14).

Khoa Thủy sản luôn chú trọng tìm nhiều nguồn kinh phí khác nhau để đầu tư xây dựng phòng thí nghiệm, thực hành tạo điều kiện tốt cho công tác giảng dạy và học tập trong Khoa.

10.1.5 Trang thiết bị

Các trang thiết bị trong Khoa đa dạng, trang bị cho nhiều lĩnh vực nghiên cứu và giảng dạy liên quan đến thủy sản. Các trang thiết bị được khai thác tối đa hoạt động giảng dạy và nghiên cứu, đáp ứng các yêu cầu của từng ngành đào tạo. Ngoài kinh phí hàng năm của Trường, Khoa còn tranh thủ các nguồn tài trợ từ các chương trình dự án trong và ngoài nước để đầu tư các trang thiết bị cho các phòng thí nghiệm.

Trang thiết bị phục vụ cho nghiên cứu và giảng dạy luôn được quan tâm đầu tư trang bị từ nhiều nguồn kinh phí khác nhau như từ các dự án WES, C1, TRIG, VLIR, Ngân hàng thế giới (Exh.10.15)... Nhờ kinh phí của các đề tài tổ chức mà các trang thiết bị phục vụ cho các phòng thí nghiệm ở các lĩnh vực quản lý chất lượng nước, bệnh học thủy sản, kỹ thuật nuôi và sản xuất giống thủy sản nước ngọt và lợ/mặn ngày càng được nâng cấp phục vụ tốt cho công tác giảng dạy và học tập, đặc biệt là ngành thủy sản tiên tiến.

10.2 Phân tích và đánh giá

10.2.1 Điểm mạnh

- Trang thiết bị hiện đại, đồng bộ, đáp ứng hiệu quả cho nhu cầu học tập, NCKH của GV và SV.
- Nguồn tài trợ CSVC đa dạng và phong phú.

10.2.2 Điểm hạn chế

- Còn thiếu CB bảo trì trang thiết bị.

10.2.3 Kế hoạch hành động

- Tuyển dụng thêm ??? Cb trong năm 2015.

TT	Nội dung	Mã minh chứng	Ghi chú
	Danh sách cán bộ hỗ trợ của Khoa (trình độ chuyên môn, năm công tác... của các trợ lý, thư viện)	(Exh.07.01)	Cô Hạnh cung cấp
	Danh sách phân công nhiệm vụ của cán bộ hỗ trợ Khoa Thủy sản (các trợ lý)	(Exh.07.02)	Cô Hạnh cung cấp

	Sơ yếu lý lịch của cán bộ quản lý thư viện	(Exh.07.03)	Cô Hạnh cung cấp
	Danh sách phòng thí nghiệm và cán bộ phụ trách phòng thí nghiệm (CV của các cán bộ quản lý phòng thí nghiệm)	(Exh.07.04)	Anh Thoại cung cấp và các trưởng phòng thí nghiệm
	Chi phí xây dựng nhà học 5 tầng và khu văn phòng Khoa Thủy sản	(Exh.10.01)	Anh Thoại cung cấp
	Sơ đồ phòng học của Khoa và phòng học chương trình tiên tiến	(Exh.10.02)	Anh Thoại cung cấp
	Trang thiết bị và chi phí của hội trường 1	(Exh.10.03)	Anh Thoại cung cấp
	Chi phí trang thiết bị phòng thính thị	(Exh.10.04)	Anh Thoại cung cấp
	Danh sách tài liệu trong thư viện (có thể cập nhật trên trang web của Khoa)	(Exh.10.05)	Cô Thanh cung cấp
	Chi phí mua thêm 248 đầu sách chuyên ngành tiếng Anh (hơn 7.000 USD)	(Exh.10.06)	Cô Thanh cung cấp (A Thoại)
	Chi phí mua thêm 64 đầu sách chuyên ngành tiếng Anh (20.700.000 đ)	(Exh.10.07)	Cô Thanh cung cấp (A Thoại)
	Quy định về nội qui thư viện của Khoa Thủy sản do trưởng Khoa ký	(Exh.10.08)	Cô Hạnh và cô Thanh cung cấp
	Số đầu sách của TTHL trường	(Exh.10.09)	Cô Thanh cung cấp
	Sơ đồ hệ thống WIFI trong trường và khu vực Khoa Thủy sản	(Exh.10.10)	Anh Thoại cung cấp
	Danh sách và diện tích các phòng thí nghiệm (Do phòng quản trị thiết bị cung cấp)	(Exh.10.11)	Anh Thoại cung cấp
	Danh sách và diện tích các trại thực nghiệm	(Exh.10.12)	Anh Thoại cung cấp
	Quyết định phân giao kinh phí sữa chữa, bảo trì hàng năm của nhà trường	(Exh.10.13)	Anh Thoại cung cấp
	Tổng chi phí xây dựng wet lab	(Exh.10.14)	Anh Thoại cung cấp
	Quyết định và kinh phí của các dự án WES, C1, TRIG, VLIR, World Bank	(Exh.10.15)	Anh Thoại, cô Trang, cô Liên và cô N Thanh cung cấp

11. ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG QUÁ TRÌNH GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

(Thầy TD Định: tddinh@ctu.edu.vn)

Từ những năm 2005, Khoa đã có nhiều thành viên tham gia công tác đảm bảo chất lượng chương trình giáo dục (CTGD) trong đó có ngành nuôi trồng thủy sản nói chung và sau đó là CTĐT của ngành nuôi trồng thủy sản tiên tiến. Năm 2008, năm 2009 và năm 2010, Khoa lần lượt thành lập Tổ kiểm định chất lượng và tự đánh giá CTGD ngành NTTS, ngành BHST và ngành NTTS theo chuẩn AUN.

Từ năm 2010 Khoa đã bắt đầu thực hiện việc lấy ý kiến đóng góp của các cựu sinh viên, các nhà tuyển dụng, sinh viên đang học, sinh viên tốt nghiệp thông qua các buổi họp hoặc các chuyến công tác ở các cơ quan ban ngành trong các tỉnh nơi có sinh viên đang công tác để hoàn chỉnh CTĐT, nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người học, của thị trường lao động trong khu vực (MC: Các mẫu Phiếu khảo sát; Kết quả khảo sát qua các năm).

Việc thay đổi CTĐT và đưa các phương pháp dạy học tiên tiến của Khoa (giảng dạy với sự kết hợp đa phương tiện, giảng dạy trực tuyến,...) đã được phổ biến và nhân rộng (MC: các biên bản, tài liệu/bài báo cáo hội thảo). Khoa sử dụng các phương pháp dạy học tích cực theo đặc thù của ngành đào tạo, có sơ kết, tổng kết về tính hiệu quả trong đào tạo (MC: Biên bản họp BM, Khoa, tài liệu/bài báo cáo Hội thảo). Ngoài ra, SV ngành học còn được tiếp cận với nguồn tài nguyên học tập thích hợp và có giá trị, đặc biệt là nguồn tài liệu từ GV thỉnh giảng từ các trường đối tác.

B. Phân tích và đánh giá:

11.1. Tất cả các giảng viên tham gia phát triển chương trình đào tạo

- *Chương trình nuôi trồng thủy sản tiên tiến được xây dựng trên cơ sở đối sánh với chương trình giảng dạy của Trường đại học Auburn (Hoa kỳ); do đó từ khi bắt đầu xây dựng chương trình Khoa Thủy sản và Trường ĐHCT đã có chủ trương xây dựng chương trình phù hợp với điều kiện thực tế tại Việt Nam, vì vậy trong suốt quá trình xây dựng chương trình Khoa đã tổ chức nhiều cuộc họp với giảng viên trong và ngoài Khoa để góp ý xây dựng*

chương trình (*Các thông báo/thư mời họp; Biên bản các cuộc họp; Các bản draft của CTĐT thể hiện quá trình xây dựng CTĐT*).

- Hàng năm Khoa cùng với Nhà trường và Bộ Giáo dục và Đào tạo đều tổ chức kiểm tra, đánh giá chương trình, qua đó cũng nhận các góp ý của giảng viên về chương trình đào tạo, từ đó Khoa có kế hoạch điều chỉnh (*Thông báo/Thư mời họp; Biên bản các cuộc họp*)
- Trên cơ sở các đề xuất của giảng viên thì đã có một số nội dung đào tạo của từng học phần cụ thể đã được điều chỉnh (*Các đề cương môn học được được điều chỉnh*);
- Giảng viên tham gia trong hội đồng Khoa học và đào tạo của Khoa, trong đó có nhiệm vụ điều chỉnh các chương trình đào tạo nói chung và chương trình nuôi trồng thủy sản tiên tiến nói riêng (*Quyết định thành lập Hội đồng KHDT của Khoa*).

11.2. Sinh viên tham gia vào việc phát triển chương trình đào tạo

- Sinh viên cũng được tham gia vào việc phát triển chương trình đào tạo, đáp ứng nhu cầu của người học (*Phiếu khảo sát sinh viên; Bảng phân tích kết quả lấy ý kiến sinh viên*)
- Trên cơ sở Phiếu khảo sát sinh viên, Khoa tổng hợp, phân tích để điều chỉnh CTĐT một cách hợp lý (*Bảng phân tích kết quả lấy ý kiến sinh viên*)

11.3. Thị trường lao động tham gia vào việc phát triển chương trình đào tạo

- Sự phát triển CTĐT còn có sự tham gia của người sử dụng lao động thông qua các kênh thông tin như sử dụng phiếu khảo sát, trong các hội thảo khoa học định kỳ của Khoa (*Phiếu khảo sát người sử dụng lao động, Chương trình làm việc của các Hội nghị khoa học của Khoa ??*)
- Góp ý của người sử dụng lao động thông qua các công ty tuyển dụng sinh viên của Khoa, các cựu sinh viên và các cơ quan quản lý thủy sản địa phương để điều chỉnh CTĐT (*Bảng phân tích phiếu góp ý của người sử dụng lao động; Biên bản họp hàng năm đánh giá chương trình tiên tiến*)

- Những môn học được thay đổi phù hợp với các đề xuất của thị trường lao động (*Đề cương các HP có sự thay đổi*)

11.4. Chương trình đào tạo được định kỳ đánh giá trong khoảng thời gian hợp lý

- CTĐT được đánh giá từ khâu tổ chức thực hiện đến nội dung chương trình đào tạo có sự tham gia của Bộ chủ quản, Nhà trường, Khoa, giảng viên và sinh viên (*Thông báo/Thư mời họp định kỳ; Biên bản cuộc họp*).
- Các cuộc họp đánh giá việc tổ chức thực hiện đến nội dung chương trình đào tạo được tổ chức định kỳ hàng năm, như năm 2013, 2012, 2011 (*Thông báo/Thư mời họp định kỳ; Biên bản cuộc họp*)

11.5. Các môn học và chương trình đào tạo được xây dựng dựa trên ý kiến của sinh viên

- Sinh viên được tham gia lấy ý kiến cả về nội dung môn học, tổ chức giảng dạy đến chương trình đào tạo thông qua phiếu đánh giá học phần, các cuộc họp định kỳ hàng năm, các buổi tiếp xúc với sinh viên ở cấp Khoa và Trường (*Phiếu đánh giá học phần; Thông báo sinh hoạt đầu khóa; Thông báo/quyết định tổ chức tiếp xúc với sinh viên với Hiệu trưởng; Hộp thư điện tử sinh viên*)
- Những môn học được thay đổi phù hợp với các đề xuất của sinh viên (*Đề cương các HP có sự thay đổi*)

11.6. Phản hồi từ các bên liên quan được sử dụng để cải thiện chất lượng

- Nâng cao chất lượng giảng dạy là chủ trương lớn của nhà trường, trong đó Khoa càng chú trọng hơn về khả năng thực hành cho sinh viên; do đó việc lấy ý kiến của giảng viên, sinh viên và người sử dụng lao động là một hoạt động thường xuyên của nhà trường và Khoa, **định kỳ bao lâu/lần** ? (*Phương hướng hoạt động của Trường, Khoa trong những năm gần đây;*

Các biên bản họp Hội đồng Khoa; Các biên bản họp giao ban của Khoa; Phiếu khảo sát của người sử dụng lao động)

- *Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Trường và Khoa không những chỉ bao gồm các giảng viên mà còn có cả một số thành viên ngoài Trường và Khoa đến từ các Viện Nghiên cứu, trường đối tác ??? ... (Các quyết định thành lập Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Trường, của Khoa)*
- *Từ các ý kiến phản hồi của các bên liên quan, nội dung giảng dạy của một số học phần đã có sự thay đổi; chế độ giảng dạy của giảng viên cho chương trình tiên tiến cũng có một số thay đổi: mô tả các thay đổi (Đề cương các HP có sự thay đổi; Các qui chế quản lý chuyên môn và Qui chế chi tiêu nội bộ).*

11.7. Quá trình dạy và học, các kế hoạch và phương pháp kiểm tra đánh giá và hoạt tự đánh giá luôn hướng tới mục tiêu đảm bảo chất lượng và cải tiến liên tục

- *Đảng ủy và Ban giám hiệu nhà trường đã xác định việc cải tiến phương pháp giảng dạy và nâng cao chất lượng giảng dạy là nhiệm vụ hàng đầu; do đó một Trung tâm ??? với đội ngũ chuyên trách làm công tác đảm bảo chất lượng giảng dạy trong nhà trường đã được thành lập vào năm ???. (Các nghị quyết của Đảng Ủy và Ban giám hiệu; Quyết định thành lập Trung tâm kiểm định chất lượng; Bảng phân công nhiệm vụ trong Ban chủ nhiệm Khoa)*
- *Ở cấp Khoa, một thành viên của Ban chủ nhiệm Khoa được phân công phụ trách chương trình tiên tiến và về công tác đảm bảo chất lượng; một giảng viên có trình độ tiến sĩ phụ trách theo dõi, nhận phản hồi và tư vấn, hỗ trợ cho GV và SV về chất lượng quá trình dạy và học. Bên cạnh đó việc tư vấn SV các vấn đề về học tập còn được thực hiện bởi đội ngũ giảng viên làm công tác cố vấn học tập (Bảng phân công nhiệm vụ trong Ban chủ nhiệm Khoa; Phân công Ts. PM Đức quản lý chương trình tiên tiến; bảng phân công cố vấn học tập của các lớp).*

12. HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ CÁN BỘ (Thầy TQ Phú: tqphu@ctu.edu.vn)

Phát triển đội ngũ cán bộ là một thế mạnh của Khoa Thủy sản, hiện tại Khoa Thủy sản có đội ngũ cán bộ giảng dạy mạnh. Tỷ lệ cán bộ giảng dạy có trình độ sau đại học là 94,74%, trong đó cán bộ giảng dạy có trình độ tiến sĩ là 56,14%. Ngoài ra, Khoa Thủy sản luôn chú trọng đến việc duy trì và bồi dưỡng một lực lượng NCV trẻ nhằm tạo nguồn thay thế cho lực lượng cán bộ giảng dạy cho tương lai. Để phát triển được đội ngũ cán bộ như thế nhờ Khoa Thủy sản đã chú trọng xây dựng chiến lược đào tạo đội ngũ cán bộ rõ ràng và hợp lý dựa trên cơ sở đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và mục tiêu phát triển của trường Đại học Cần Thơ.

12.1. Có kế hoạch rõ ràng về nhu cầu đào tạo và phát triển cán bộ, đối với cán bộ hỗ trợ và cán bộ giảng dạy

Để phát triển đội ngũ cán bộ giảng dạy và cán bộ hỗ trợ phục vụ cho công tác đào tạo cho hiện tại và cho tương lai, Khoa Thủy sản đã tiến hành xây dựng kế hoạch trung hạn (giai đoạn 5 năm), trong đó có phân chia nhu cầu phát triển cho mỗi năm (*Exh. 12.1: Kế hoạch phát triển giai đoạn 2012-2017, định hướng đến năm 2020*).

Kế hoạch phát triển đội ngũ cán bộ giảng dạy và cán bộ hỗ trợ được xây dựng dựa trên nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho “Chiến lược phát triển thủy sản của Việt Nam đến năm 2020” và “Quy hoạch tổng thể phát triển nuôi trồng thủy sản đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”. Theo đó, đến năm 2020 kinh tế thủy sản đóng góp 30-35% GDP trong khối Nông-Lâm-Ngư nghiệp, tạo ra việc làm cho 5 triệu lao động (*Exh. 12.2: QĐ 1690/QĐ-TTg 26/9/2010*), 50% lao động được qua tập đào tạo, tập huấn (*Exh. 12.3: QĐ 1445/QĐ-TTg 16/8/2013*).

Bên cạnh đó, việc xây dựng Kế hoạch phát triển đội ngũ cán bộ của Khoa Thủy sản còn nhằm đáp ứng Khoản 3, Điều 54, Chương VIII của Luật giáo dục đại học. Trình độ chuẩn của chức danh giảng viên giảng dạy trình độ đại học là thạc sĩ trở lên (*Exh. 12.4: Luật số 08/2012/QH13 18/06/2012*).

Ngoài ra, việc xây dựng Kế hoạch phát triển đội ngũ cán bộ của Khoa Thủy sản còn nhằm góp phần thực hiện mục tiêu phấn đấu của trường Đại học Cần Thơ, đến năm 2015 trở về sau, Trường Đại học Cần Thơ sẽ trở thành một trong những trường có chất lượng đào tạo ngang với các trường tiên tiến khu vực Đông Nam Á và là một trung tâm đào tạo mạnh cho các nước trong lưu vực sông MeKong; phấn đấu để năng lực, trình độ đào tạo và nghiên cứu - chuyển giao KHCN đạt trình độ chung của các trường đại học trong khu vực và thế giới đối với một số ngành mũi

nhọn vào năm 2020 (*Exh. 12.5: QĐ 6004/QĐ-BGDĐT, ngày 21 tháng 9 năm 2007*).

Dựa vào nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực thủy sản của vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long và của cả nước ở hiện tại và trong tương lai, Khoa Thủy sản xây dựng kế hoạch phát triển chương trình và quy mô của các bậc đào tạo (số lượng sinh viên) cho từng năm trong giai đoạn từ 2012 đến năm 2017 và 2020 (*Exh. 12.1*). Kế đến, dựa vào quy mô của các bậc đào để xác định nhu cầu phát triển và đào tạo đội ngũ cán bộ giảng dạy và cán bộ hỗ trợ của Khoa Thủy sản (*Exh. 12.5*). Việc xác định nhu cầu phát triển đội ngũ cán bộ căn cứ vào tỉ lệ sinh viên/giảng viên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (*Exh. 12.6: TT 57/2011/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 12 năm 2011*), trong giai đoạn hiện nay tỉ lệ sinh viên/giảng viên là 25/1.

Để đảm bảo việc thực hiện kế hoạch của các Khoa đúng tiến độ và hiệu quả, trường Đại học Cần Thơ đã ban hành QĐ 1636/QĐ-ĐHCT ngày 16/10/2009 về Quy định tuyển dụng và yêu cầu tiến trình phấn đấu nâng cao trình độ CBGD (*Exh. 12.7: QĐ 1636/QĐ-ĐHCT 16/10/2009*), cán bộ mới được tuyển dụng phải thực thực hiện việc học tập nâng cao trình độ theo tiến trình được quy định trong văn bản trên.

Phần lớn kinh phí để đào tạo cán bộ có trình độ thạc sĩ và tiến sĩ ở nước ngoài được hỗ trợ từ các dự án hợp tác quốc tế, ngược lại nguồn kinh phí trong nước được dành cho đào tạo chuyên môn nghiệp vụ ngắn hạn hoặc đào tạo trình độ thạc sĩ và tiến sĩ trong nước. Kinh phí dùng cho hoạt động phát triển đội ngũ cán bộ chiếm khoảng 14,75% tổng ngân sách hoạt động của Khoa Thủy sản (không kể kinh phí xây dựng cơ bản) (*Exh. 12.1*).

12.2. Hoạt động phát triển cán bộ tương xứng với nhu cầu

Hàng năm căn cứ vào kế hoạch đã định, Khoa Thủy sản tiến hành tuyển dụng và đào tạo cán bộ đủ số lượng như trong kế hoạch đề ra. Đối với nhóm cán bộ giảng dạy có trình độ đại học và cao học, thông qua các dự án trong nước và dự án hợp tác quốc tế, Khoa tìm kiếm nguồn học bổng để đào tạo nâng trình độ lên thạc sĩ và tiến sĩ (*Exh. 12.8: Chương trình, dự án*). Cùng với quá trình đó, một số nghiên cứu viên cũng được đào tạo trình độ thạc sĩ và tiến sĩ để tạo nguồn cán bộ cho việc tuyển dụng vào biên chế cán bộ giảng dạy (*Exh. 12.8*). Đối với nhóm cán bộ hỗ trợ, hàng năm trường cũng có kế hoạch đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ như quản lý giáo dục, ngoại ngữ, tin học... bằng nguồn kinh phí của nhà trường, (*Exh. 12.9: Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn*).

Đặc biệt, trong quá trình phát triển Chương trình đào tạo Nuôi trồng thủy sản tiên tiến, trường Đại học Cần Thơ và Đại học Auburn đã ký Văn bản ghi nhớ hợp tác (*Exh. 12.10: MOU, MOA*), qua đó trường Đại học Auburn sẽ hỗ trợ đào tạo ngắn hạn về chuyên môn cho lực lượng giảng viên của Khoa Thủy sản, Đại học Cần Thơ.

Từ năm 2008 đến nay, đã có lượt cán bộ được đào tạo ngắn hạn và dài hạn trong và ngoài nước, nhiều cán bộ đã hoàn thành chương trình đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ ở các quốc gia phát triển trên thế giới như Mỹ (bao nhiêu CB?), Úc (???)... (*Exh. 12.11: QĐ cử đi học và bằng cấp*). Số lượng cán bộ được cử đi học tập ngắn hạn và dài hạn hàng năm thường vượt mức kế hoạch đề ra.

Đặc biệt trong khuôn khổ hợp tác giữa Đại học Cần Thơ và Đại học Auburn để phát triển Chương trình tiên tiến Nuôi trồng thủy sản, từ năm 2009 đến nay, Khoa Thủy sản đã đưa 14 lượt cán bộ sang tập huấn về giảng dạy các học phần ở Đại học Auburn (*Exh. 12.11*)

Điểm mạnh

- Khoa có kế hoạch phát triển nguồn nhân lực cụ thể theo từng giai đoạn trung hạn, dài hạn và thực hiện hiệu quả
- Tìm được các nguồn kinh phí đa dạng cho hoạt động phát triển đội ngũ cán bộ.

Điểm yếu

Các hoạt động đào tạo bồi dưỡng đội ngũ hỗ trợ chưa được phát triển mạnh ???

Kế hoạch cải tiến

???

Tiêu chuẩn này rất quan trọng. Nhưng báo cáo chưa thể hiện rõ. Cần bàn thêm các hoạt động Khoa để bổ sung vào SAR.

13. Ý KIẾN PHẢN HỒI CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN (Thầy TV Việt: tvviet@ctu.edu.vn)

Quy trình khảo sát: liên hệ với các sinh viên ra trường để xác định nơi công tác/học tập để xác nhận địa chỉ cơ quan tổ chức, phát phiếu đánh giá bằng đường email hoặc bưu điện (nếu không có sử dụng email) để nhờ người sử dụng lao động đánh giá rồi gửi phiếu lại để tổng hợp.

Đối với giảng viên và cán bộ hỗ trợ trong việc giảng dạy thì có các mức độ đánh giá từ 5 cấp độ từ rất không đồng ý, không đồng ý, đồng ý và rất đồng ý. Ngoài ra, nhận xét của cơ quan sử dụng lao động cũng có 5 cấp độ từ rất chưa hài lòng, chưa hài lòng, hài lòng, rất hài lòng và xuất sắc (chỉ nhận được 5 phiếu).

Đối với trường hợp học cao học trong nước phiếu sẽ gửi đến cán bộ giảng dạy, cố vấn học tập đối với trường hợp sinh viên học tiếp ở bậc cao hơn như thạc sĩ, tiến sĩ.

Các trường hợp học ở nước ngoài thì sẽ liên hệ với trường, giáo sư mà các sinh viên này theo học để được đánh giá từ phía bạn về năng lực học tập cũng như khả năng của sinh viên trong trường hợp học cao hơn (chưa có phiếu khảo sát đối với trường hợp ở nước ngoài???, trường hợp trong nước cũng vậy, có gửi phiếu nhưng chỉ nhận lại 3 phiếu nhờ T. Út xúc tiến dùm)

Do chương trình nuôi trồng thủy sản tiên tiến khóa đầu tiên ra trường tháng 4 năm 2013, số lượng sinh viên là 30 người, ra trường được 28 sinh viên, 2 em chưa ra trường do chưa đạt môn hóa phân tích đại cương.

Trong số 28 sinh viên ra trường thì có 11 người đang học tiếp, có 4 người đang học cao học ở nước ngoài: 3 người học cao học ở Thái Lan và 1 người ở Malaysia.

Có 3 trường hợp học trong nước, 1 người học cao học tại Khoa Thủy sản và 2 người học nghiên cứu sinh tại khoa thủy sản, ĐHCT.

Bảng 9: số lượng sinh viên ra trường và các hoạt động

Số lượng	Đi làm 14		Đi học 11				Khác 5	
	Nhà nước	Tư nhân	Học cao học		Nghiên cứu sinh	Học đại học bằng II	Tự do	Chưa ra trường
			Trong nước	Nước ngoài				
30	6	8	1	4	2	4	3	2

13.1 Thị trường lao động (nhà tuyển dụng) có phản hồi cho nhà trường.

13.1.1. Ý kiến của giảng viên và các bộ hỗ trợ chương trình NTTS tiên tiến

Nhằm đánh giá tính hợp lý và các khâu tổ chức của chương trình, ý kiến phản hồi của cán bộ giảng dạy trực tiếp (giảng viên) và cán bộ trợ giảng kết quả ở (bảng 13.2) và (Bảng 13.3). **Thời gian nào?**

Bảng 10: Mức độ hài lòng của giảng viên

	Rất không đồng ý(%)	Không đồng ý(%)	Đồng ý(%)	Rất đồng ý(%)	Không áp dụng(%)
Tôi có đủ sự hỗ trợ trong hoạt động giảng dạy (bao gồm Trợ giảng)	0	18	35	41	0
Tôi có đủ thời gian để chuẩn bị và triển khai các hoạt động giảng dạy	0	0	59	41	0
Các học phần giúp sinh viên đạt được các kết quả học tập mong đợi (chuẩn đầu ra) của chương trình	0	0	65	29	0
Tôi tham gia ý kiến trong các quyết định có liên quan tới nội dung và phương pháp tôi giảng dạy	0	0	59	41	0
Có sự cân đối giữa lý thuyết và thực hành trong (các) học phần tôi giảng dạy	0	0	47	47	0
Sinh viên có đủ năng lực Anh văn để hiểu các bài giảng và làm các bài tập của tôi	0	12	65	18	0
Tôi nhận được các kết quả nhận xét lớp học phần và sử dụng chúng để cải thiện hoạt động giảng dạy	0	0	53	41	0
Tôi nhận được sự tôn trọng từ sinh viên và các đồng nghiệp tại ĐHCT.	0	0	59	41	0
Tôi hài lòng với các mục tiêu của chương trình đào tạo này	0	0	71	29	0
Nhìn chung, tôi hài lòng với chương trình đào tạo này và sự hỗ trợ trong công việc giảng dạy của tôi tại ĐHCT.	0	0	53	47	0

Bảng 111: Mức độ hài lòng của cán bộ hỗ trợ trong giảng dạy

	Rất không đồng ý(%)	Không đồng ý(%)	Đồng ý(%)	Rất đồng ý(%)	Không áp dụng(%)
Tôi biết rõ công việc mình phải làm để hỗ trợ chương trình tiên tiến này	0	0	50	50	0
Tôi đóng góp ý kiến vào các quyết định liên quan tới công việc hỗ trợ của mình.	0	8.33	50	41.67	0
Tôi cần được đào tạo thêm và cần thêm sự giúp đỡ để cải thiện chất lượng công việc hỗ trợ của mình.	0	0	50	50	0
Tôi không có vướng mắc gì trong công việc hỗ trợ của mình	0	16.67	58.33	25.00	0
Tôi có các trang bị và văn phòng phẩm mà tôi cần để thực hiện công việc hỗ trợ của mình.	0	8.33	58.33	33.33	0
Tôi nhận được sự tôn trọng từ sinh viên, giảng viên và đồng nghiệp	0	8.33	58.33	33.33	0
Nhìn chung, tôi hài lòng với công việc hỗ trợ cho chương trình tiên tiến này	0		75.00	25.00	0
Tôi biết rõ công việc mình phải làm để hỗ trợ chương trình tiên tiến này	0	0	50	50	0

13.1.2.Ý kiến của giảng viên cao học trong nước

(chưa có kết quả do chưa nhận được phiếu phản hồi)

13.1.3.Ý kiến của giảng viên cao học nước ngoài

(chưa nhận được kết quả phản hồi)

Sinh viên sau khi tốt nghiệp chương trình NTTS tiên tiến, các sinh viên có điều kiện thì học cao hơn trong và ngoài nước các chương trình thạc sĩ và tiến sĩ

13.1.3.Ý kiến của người sử dụng lao động

Thị trường lao động bao gồm các cơ quan nhà nước và công ty trong và ngoài nước thuộc các lĩnh vực thủy sản và lĩnh vực có liên quan:

Đánh giá của người sử dụng lao động: bao gồm cơ quan nhà nước như sở nông nghiệp, viện quy hoạch thủy sản phía nam, và tại Khoa thủy sản, ĐHCT, theo đánh giá của các cơ quan này chất lượng lao động tốt (Bảng 13.4)

Công ty tư nhân như cty UV Việt Nam, CP và các ty khác thuộc lĩnh vực thủy sản, nhìn chung chất lượng lao động của các được đánh giá cao, chỉ có 1 số lĩnh vực còn đánh giá thấp như định hướng nghề nghiệp, khả năng giải quyết công việc (Bảng 13.4)

Bảng 11: Mức độ hài lòng của người sử dụng lao động

Các khả năng	Chưa hài lòng (%)	Hài lòng (%)	Rất hài lòng (%)	Xuất sắc (%)
Khả năng làm việc độc lập	0	40	40	20
Khả năng làm việc nhóm	0	40	40	20
Kiến thức cơ sở và chuyên môn cân đối	20	40	20	20
Năng lực học tập ở bậc cao hơn	25	25	25	25
Hạnh kiểm	0	25	50	25
Tinh thần cầu tiến trong chuyên môn	0	33	50	17
Người lao động được định hướng nghề nghiệp	20	40	20	20
Kiến thức người lao động chắc chắn về lý thuyết	17	33	33	17
Khả năng người lao động giải quyết công việc tốt	20	40	20	20
Người lao động tạo được uy tính cho SV -ĐHCT	0	60	20	20
Ông/bà hài lòng khi được mời tham gia xây dựng CTĐT	0	80	0	20
Ông/bà hài lòng khi tham gia hướng nghiệp sinh viên	20	40	20	20
Ông/bà làm chuyên gia trong ngành nghề đào tạo	50	25	0	25
Trường ĐHCT gắn kết với cơ quan ông/bà	0	67	0	33
khả năng lập kế hoạch hoạt động chuyên môn	0	60	40	0

Khả năng giao tiếp (đàm phán)	0	60	40	0
Nhại bén với môi trường làm việc thay đổi	20	40	40	0
Năng lực về tin học	20	20	60	0
Năng lực về ngoại ngữ	0	60	40	0
Năng lực nghiên cứu	20	20	60	0
Trắc nghiệm trong chuyên môn	20	40	40	0
Tác phong làm việc	0	40	60	0
Trách nhiệm với đồng nghiệp	0	60	40	0
Tuân thủ chủ trương pháp luật của nhà nước	0	60	40	0
Chất lượng chương trình đào tạo thỏa mãn nhu cầu cơ quan	0	50	50	0

Đối với ngành thủy sản của Khoa thủy sản, ĐHCT có hợp mặt cựu sinh viên hàng năm, nhằm gặp gỡ trao đổi chia sẻ thông tin trong các lĩnh vực thủy sản, cũng như đề nghị những hướng nghiên cứu và đào tạo của trường nhằm phù hợp hơn trong tình hình thực tế (**minh chứng**), nhưng đối chương trình tiên tiến chỉ có 1 khóa đầu tiên và thời gian làm việc 4-8 tháng, do đó các cựu sinh viên này chưa được họp hàng năm như các sinh viên khác.

Nhà trường khảo sát cựu sinh viên qua kênh hội cựu sinh viên, mỗi khóa có 1 đại diện và các đại diện này có liên hệ qua kênh cựu sinh viên, có website (**minh chứng**) và trao đổi định kỳ

Ngoài ra, hội nghị hội thảo cũng là dịp gặp gỡ của các cựu sinh viên và trường là nên nơi trao đổi chuyên môn và các vấn đề thủy sản mà xã hội đang quan tâm (**minh chứng??**)

14. ĐẦU RA (**Cô TTT Hoa: ttthoa@ctu.edu.vn**)

Kết thúc khóa học, những sinh viên có đủ điều kiện theo qui định của Trường, tiến hành làm hồ sơ đề nghị xét tốt nghiệp nộp Khoa. Khoa thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp, lập danh sách công nhận các sinh viên được xét tốt nghiệp gửi về Trường để Phòng Đào tạo và Phòng Công tác Sinh viên thẩm định kết quả và lập quyết định công nhận tốt nghiệp cho sinh viên. Qui trình xét và công nhận tốt nghiệp cho sinh viên được tiến hành xét 3 đợt trong năm (**Exh.14.01 – Qui trình xét tốt nghiệp SV; Exh.14.02 – Kế hoạch xét tốt nghiệp SV**).

Phòng Đào tạo, Khoa hướng dẫn cho sinh viên qui trình làm hồ sơ xét tốt nghiệp, các thủ tục, mẫu đơn được đưa lên trang web của Khoa (http://caf.ctu.edu.vn/caf/index2.php?op=submenu&idmenu=9&id_pa=9). Trong hơn 1 năm nay, sinh viên có thể đăng ký xét tốt nghiệp online trên hệ thống khi có đầy đủ tiêu chuẩn tốt nghiệp. Qui trình xét tốt nghiệp sinh viên được phân bổ cụ thể cho các cá nhân và đơn vị có liên quan phụ trách thực hiện (Exh.14.03 – **Thông báo phát hồ sơ tốt nghiệp**)

14.1. Thời gian tốt nghiệp:

Để đủ điều kiện tốt nghiệp, sinh viên CTTT NTTS phải tích lũy đủ các học phần và số tín chỉ theo chương trình đào tạo là 138; điểm trung bình chung tích lũy các học phần đạt từ 2,00 trở lên và các điều kiện khác theo quy định tại Điều 31 - Điều kiện tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp của Quy định về công tác học vụ do Trường Đại học Cần Thơ ban hành.

Bảng 8: Tỷ lệ tốt nghiệp và bỏ học của sinh viên ngành NTTS CTTT

Năm học	Tổng số SV trong khóa*	Tỷ lệ tốt nghiệp văn bằng thứ nhất sau thời gian (%)			Tỷ lệ bỏ học sau thời gian (%)		
		3.5 năm	4 năm	Chia ra thành 2 cột cụ thể 4.5 (vẫn xem là đúng hạn) và >4.5	1 năm	2 năm	3 năm trên 3 năm
2012-2013	K34: 30	0	0	28/30 (93,3%)	0	0	0
2013-2014	K35: 20	0	0	20/20 (100%)	0	0	0

Với kết quả trình bày ở Bảng 10 cho thấy, thời gian tốt nghiệp của sinh viên là 4,5 năm. Với tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp 96%, có thể thấy rằng tỷ lệ thi đậu của sinh viên là rất cao. Như vậy, thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên là thỏa đáng, tỷ lệ thi đậu là thỏa đáng và tỉ lệ rớt là rất thấp.

Nhà tuyển dụng hài lòng về trình độ chuyên môn của SV đầu ra (Minh chứng?). Các nhà tuyển dụng cho rằng kiến thức và mức độ am hiểu chuyên môn của kỹ sư ngành NTTS CTTT đạt mức thành thạo, đặc biệt là năng lực ngoại ngữ của SV có thể làm việc trong môi trường hội nhập quốc tế (tiếp tục học bậc thạc sĩ nước ngoài là 2; làm việc ở cơ quan liên doanh nước ngoài 4). Tỷ lệ bỏ học hầu như không có do các CVHT tích cực hướng nghiệp giúp SV an tâm trong ngành nghề và có kế hoạch học tập cụ thể do đó giáo viên giúp đỡ các SV hiệu quả hơn.

Thông qua chương trình đào tạo giúp cho SV có năng lực về chuyên môn và rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, tự nghiên cứu giải quyết vấn đề qua việc thực hiện luận văn tốt nghiệp, giúp SV trưởng thành hơn, tự tin hơn, vững vàng hơn khi ra trường, hình thành phong cách làm việc cho SV sắp xếp công việc có tính khoa học hơn, giải quyết công việc nhanh chóng, cách quan hệ giao tiếp với mọi người rất tốt.

Hoạt động hỗ trợ học tập, giải trí cho SV được chú trọng. SV có điều kiện thuận lợi khi làm các báo cáo chuyên đề môn học như đọc tài liệu bằng tiếng Anh và thuyết trình bằng tiếng Anh ở tất cả các môn học. Ngoài học tập, SV còn có cơ hội giải trí, tham gia các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao để nâng cao sức khỏe, tạo môi trường học tập tích cực, đặc biệt là các chương trình giao lưu văn hóa, trao đổi sinh viên với các Trường ở nước ngoài (Exh. 14.04. Danh sách các đợt tham gia giao lưu văn hóa, trao đổi sinh viên của CTTT)

14.2. Tình hình sinh viên tốt nghiệp có việc làm

Tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng tiến độ của SV đạt khá cao. Đa số SV có việc làm trong vòng 6 tháng ngay sau khi ra trường với tỉ lệ khá cao do: (i) công ty có nhu cầu sử dụng SV ngành NTTS cao, và (ii) Khoa và Bộ môn có mối quan hệ tốt với các công ty hoạt động lãnh vực NTTS và cung cấp số lượng SV có đủ năng lực theo yêu cầu của công ty (Bảng 11).

Bảng 11: Tình hình học tiếp/việc làm của sinh viên CTTT sau tốt nghiệp

Ngành Nuôi trồng Thủy sản CTTT; Khóa I (2008 – 2013) và Khóa II (2009 - 2014)

TT	Trình độ học tiếp/cơ quan làm việc	Tổng số trong 6 tháng sau tốt nghiệp (khóa I)	Tổng số trong 6 tháng sau tốt nghiệp (khóa II)

		Thêm cột %	II) Thêm cột %
1.	Học thạc sĩ ở trong nước	4	0
2.	Học thạc sĩ ở nước ngoài	2	7
3.	Học tiến sĩ ở trong nước	0	0
4.	Học tiến sĩ ở nước ngoài	0	0
5.	Làm GV trường ĐH, CĐ		
	- Trường công lập:	4	2
	- Trường ngoài công lập:	0	0
6.	Viện nghiên cứu	1	0
7.	Cơ quan khác ngoài trường ĐH, CĐ và Viện nghiên cứu		
	- Cơ quan công lập	3	0
	- Cơ quan liên doanh với nước ngoài	4	0
	- Cơ quan tư nhân	4	0
8	Chưa có việc làm	6 (đang xin việc và thi AV để đi du học)	13

Theo kết quả khảo sát sinh viên mới tốt nghiệp, có khoảng hơn 73% sinh viên khóa I (22/30 sinh viên) và 45% sinh viên khóa II (9/20 sinh viên) có việc làm hoặc đi học bậc tiếp theo ngay sau khi ra trường (Exh.14.05. Danh mục các quyết định tuyển dụng, thư mời nhập học). Như vậy, phần lớn sinh viên mới tốt nghiệp đều có thể tìm được việc làm phù hợp với ngành đào tạo.

14.3. Năng lực nghiên cứu khoa học của sinh viên ngành NTTS CTTT

Sinh viên ngành NTTS CTTT đều phải hoàn thành luận văn tốt nghiệp trước khi ra trường, không có các môn học thay thế luận văn. Do đó, sinh viên phải tự tiến hành thực hiện các nghiên cứu khoa học trong quá trình học tập tại trường, tạo tiền đề để nghiên cứu và học tập ở các trình độ cao hơn. Nổi bật hơn so với sinh viên cùng ngành là: (i) đề tài tốt nghiệp của sinh viên CTTT đều phải hoàn thành báo cáo luận văn tốt nghiệp bằng Tiếng Anh (Exh.14.06. Danh mục tên đề tài luận văn tốt nghiệp của sinh viên khóa I, khóa II ngành NTTS CTTT); (ii) kết quả nghiên cứu của đề tài sinh viên được viết thành báo cáo khoa học và được chấp nhận đăng báo (Bảng 12)

Bảng 12. Công trình công bố của sinh viên CTTT đã tốt nghiệp

STT	Tên công trình công bố	Tên tác giả	Thuộc khoá tuyển sinh	Nơi công bố
1	The efficacy of vitamin con stress reduction of striped catfish (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) Fingerling under transport conditions	Do Thi Thanh Huong, N.T. Dat, L.T. Mai , N.Q. Thinh, N.T.K. Ha, P. Kestemont and N.T. Phuong	2008-2013	Proceeding of International Fisheries Symposium 2012
2	Isolation, identification and determination of antibiotic susceptibility of <i>streptococcus iniae</i> in Asian sea bass (<i>Lates calcarifer</i>)	Tran Huu Tinh , Nguyen Bao Trung, Tran Thi Tuyet Hoa, and Tu Thanh Dung	2008-2013	Proceeding of International Fisheries Symposium 2012
3	Identification and pathogenicity of <i>Aeromonas hydrophila</i> on clown knifefish (<i>Chitala chitala</i>) in the Mekong Delta, Vietnam	Nguyen Minh Tri , Tran Thi My Han and Tu Thanh Dung	2008-2013	Proceeding of International Fisheries Symposium 2012

4	Technical-financial comparison of giant freshwater prawn farming systems in the flooding areas of the Mekong Delta	Truong Thanh Lam & Le Xuan Sinh	2008-2013	Proceeding of International Fisheries Symposium 2012
5	Nutrient removal from wastewater of intensive catfish ponds by using floating aquatic plants	Tran Thi Lam Khoa*, T.T.B. Gam, N.T. Duy, L.P.Dai, H.T. Giang and V.N. Ut	2008-2013	Proceeding of International Fisheries Symposium 2012

Bên cạnh đó, sinh viên thuộc CTTT còn có khả năng tham gia và báo cáo nói trong các hội nghị trong và ngoài nước với chính các kết quả đề tài nghiên cứu mà các em tham gia thực hiện (**Exh. 14.07. Danh mục các báo cáo tham gia hội nghị trong và ngoài nước của sinh viên CTTT khóa I, khóa II**)

Nghiên cứu là một trong những hoạt động quan trọng nhất cho cả đội ngũ giảng viên và sinh viên. Đây là cầu nối giữa học tập lý thuyết ở nhà trường với yêu cầu thực tế của thị trường lao động ở các địa phương. Vì vậy, hoạt động nghiên cứu được Trường và Khoa hỗ trợ mạnh mẽ. Cụ thể, Khoa Thủy sản tìm kiếm các nguồn kinh phí hỗ trợ các nghiên cứu khoa học của sinh viên đáp ứng yêu cầu thực tế (**Bảng 12**).

Bảng 12: Danh mục đề tài khoa học, ứng dụng, chuyển giao công nghệ có sinh viên CTTT đã tốt nghiệp tham gia

STT	Tên đề tài, ứng dụng, chuyển giao công nghệ	Cấp quản lý,	Nơi thực hiện, cơ quan liên kết	Họ, tên sinh viên tham gia	Thuộc khoá tuyển sinh	Kết quả chính
01	Nghiên cứu vi nấm trên hệ thống sản xuất cá tra	Nafosted	ĐHCT	Ngô Thị Mộng Trinh	2008-2013	Thu mẫu vi nấm trong hệ thống sản xuất cá tra
02	Vaccine cá điêu hồng	Tỉnh Vĩnh Long	ĐHCT	Quảng Trọng Phát	2008-2013	Vaccine phòng bệnh
03	Vaccine cá điêu hồng	Tỉnh Vĩnh Long	ĐHCT	Nguyễn Đại Dương	2008-2013	Vaccine phòng bệnh

Ngoài ra, nghiên cứu giúp sinh viên thực hành tự học và kỹ năng nghiên cứu của họ. Do vậy, Trường và Khoa có các quyết định và quy định khác nhau nhằm khuyến khích, hướng dẫn, thảo luận và khen thưởng sinh viên làm tốt công tác nghiên cứu khoa học (**Exh.14.08 Danh mục các quyết định, qui định của Khoa Trường hỗ trợ cho công tác nghiên cứu khoa học của sinh viên**). Chính sách để khuyến khích sinh viên thực hiện nghiên cứu khoa học như “đặt hàng” chủ đề nghiên cứu cho sinh viên, tăng thời gian nghiên cứu, ngân sách dành cho sinh viên. Hàng năm Trường đều có thông báo đến sinh viên qua nhiều kênh thông tin nhằm giúp sinh viên về thời hạn nộp bảng thuyết minh đề tài cũng như thời hạn nghiệm thu đề tài cho chủ nhiệm đề tài cũng như cho giáo viên hướng dẫn. Qua đó, các đề tài sinh viên được duyệt sẽ có một giảng viên làm công tác cố vấn và hỗ trợ về chuyên môn cũng công tác thanh toán kinh phí sau này. Sinh viên thuộc ngành NTTS CTTT có khả năng tự tổ chức thực hiện nghiên cứu (Bảng 13) với sự giúp đỡ tư vấn khoa học của Thầy/Cô liên quan đến lãnh vực nghiên cứu của sinh viên.

Bảng 13. Danh mục đề tài nghiên cứu khoa học của Sinh viên CTTT (cấp trường)

STT	Tên đề tài, ứng dụng, chuyển	Cấp quản	Nơi thực hiện, cơ	Họ, tên sinh viên tham gia	Thuộc khoá	Kết quả chính
-----	------------------------------	----------	-------------------	----------------------------	------------	---------------

	giao công nghệ	lý,	quan liên kết		tuyển sinh	
1	Nghiên cứu nuôi tôm thẻ chân trắng (<i>L.vannamei</i>) siêu thâm canh trong hệ thống tuần hoàn kín.	ĐHCT	Khoa TS	Nguyễn Vĩnh Tiến Nguyễn Chí Lê Hoàng Phương Võ Lê Thanh Trúc	2009-2014	
2	Nghiên cứu khả năng xử lý nước thải ao nuôi cá tra thâm canh bằng các loại thực vật thượng đẳng thủy sinh	ĐHCT	Khoa TS	Trần Thị Lam Khoa Nguyễn Tấn Duy Lê Phước Đại Trần Thị Bé Gấm	2009-2014	Bèo tai tượng xử lý nước thải tốt nhất trong số các loại thực vật khác như bèo tai chuột, bèo hoa dâu, lục bình. Diện tích sử dụng bèo là 25% diện tích che phủ

Qua phân tích ở trên, có thể tóm lại các kết quả đã thực hiện như sau:

Điểm mạnh:

- Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn, tỉ lệ sinh viên tìm được việc làm ngay sau khi tốt nghiệp cao và đúng chuyên ngành đã được đào tạo là cao.
- Tỷ lệ học sinh bỏ học là không có, chỉ có 2 sinh viên thuộc khóa I (2/30) là chưa tốt nghiệp đúng hạn do còn nợ 2 môn học.
- Khả năng thực hiện nghiên cứu khoa học, viết báo cáo khoa học của sinh viên là rất tốt
- Có khả năng làm việc trong môi trường quốc tế ngay sau khi tốt nghiệp

Điểm yếu

- Nâng cao kỹ năng mềm để giúp sinh viên nâng cao khả năng thích ứng của họ trong thực tế.

Tiêu chuẩn này về cấu trúc cơ bản thì ổn nhưng còn thiếu thông tin và minh chứng chi tiết. Cần rà soát bổ sung thêm

15. SỰ HÀI LÒNG CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN (Thầy HT Giang: htgiang@ctu.edu.vn)

Nội dung của tiêu chuẩn là đánh giá sự hài lòng của các bên liên quan. Các bên liên quan thuộc tiêu chuẩn bao gồm: sinh viên đang học, sinh viên tốt nghiệp, cựu sinh viên (CSV) và nhà sử dụng lao động (bao gồm các cơ quan nhà nước, các công ty/doanh nghiệp cổ phần, tư nhân và các cán bộ hướng dẫn đối với cựu sinh viên đang học tiếp tục ở bậc cao hơn). Hệ thống thu thập và đo lường mức độ hài lòng các bên liên quan được thực hiện liên tục và thường xuyên thông qua các phiếu khảo sát trong khi sinh viên đang học tại trường cũng như sau khi ra trường. Bên cạnh đó, nhà trường luôn giữ mối liên hệ với các cựu sinh viên và các nhà sử dụng lao động để thu thập thông tin phản hồi nhằm cải tiến chương trình đào tạo, cải tiến hệ thống thực hiện chất lượng và đảm bảo chất lượng.

Tính đến thời điểm hiện tại, Khoa Thủy sản đã tuyển sinh 5 khóa Ngành Nuôi trồng thủy sản tiên tiến với 130 sinh viên, trong đó:

- Khóa 34: 30 sinh viên
- Khóa 35: 20 sinh viên
- Khóa 36: 16 sinh viên
- Khóa 37: 30 sinh viên
- Khóa 38: 20 sinh viên
- Khóa 39: 14 sinh viên

15.1 Ý kiến của sinh viên đang học

Hiện 4 khóa (Khóa 36, 37, 38, và 39) đang theo ngành Nuôi trồng thủy sản tiên tiến với 90 sinh viên. Sau khi hoàn thành các môn học, mỗi sinh viên được nhận phiếu đánh giá học phần để đánh giá mức độ hài lòng về phương pháp giảng dạy của giảng viên, tài liệu học tập, nội dung giảng dạy, và những góp ý của sinh viên. Kết quả sẽ được xử lý và gửi cho giảng viên phụ trách môn học để giảng viên có những điều chỉnh kịp thời, hoàn thành tốt hơn công tác giảng dạy. Bên

cạnh đó, chương trình cũng có hệ thống đánh giá mức độ hài lòng của sinh viên đang học về học phần, chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy và thi cử. Toàn bộ kết quả được tổng hợp theo môn học, theo bộ môn quản lý ngành và theo Khoa. Khoa/bộ môn quản lý ngành học luôn theo dõi kết quả đánh giá góp ý của sinh viên để quản lý, điều chỉnh phù hợp. Những than phiền của sinh viên được thu thập qua các kênh thông tin khác nhau như đối thoại trực tiếp với Hiệu trưởng/Trưởng Khoa (Exh. 15.1_Biên bản họp và ý kiến sinh viên với Trường/Khoa). Các ý kiến của sinh viên được thu thập, tổng hợp và được giải quyết theo thẩm quyền của Trưởng Khoa hoặc Hiệu Trưởng. Ngoài ra, ý kiến phản hồi cũng như là mức độ hài lòng của sinh viên đang học cũng được thu thập qua các phiếu khảo sát về Chương trình đào tạo thông qua Phiếu khảo sát soạn sẵn (Exh. 15.2_Phiếu khảo sát ý kiến của sinh viên đang học về chương trình đào tạo + Bảng kết quả xử lý của TTĐBCL).

Bảng 15.1: Mức độ hài lòng của sinh viên đang học về chương trình đào tạo

Nội dung đánh giá	Mức độ	
	Đồng ý	Không đồng ý
I. VỀ KẾT QUẢ HỌC TẬP MONG ĐỢI		
1. Kết quả học tập thỏa mãn được mong đợi của sinh viên?	???	???
2. Chương trình đào tạo có đáp ứng được thị trường lao động?		
II. VỀ CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH		
Chương trình đào tạo được chia thành 4 khối kiến thức: kiến thức đại cương (18 tín chỉ), khối kiến thức cơ sở ngành (72-81 tín chỉ), khối kiến thức chuyên ngành (21-30 tín chỉ) và thực tập 15 tín chỉ. Quan điểm của sinh viên về sự cân bằng của các khối kiến thức trên:?	???	???
Quan điểm của sinh viên về chương trình đào tạo có thể đạt được kết quả học tập mong đợi		

Bảng 15.2: Ý kiến của sinh viên đang học về chương trình đào tạo

Ý kiến tổng hợp	Tỉ lệ	Xử lý của Trường/Khoa	Minh chứng
Sinh viên năm 4 (Khóa 36)			
1. Tăng cường các môn thực tập trong chương trình đào tạo			
2. Cần được giới thiệu bằng Tiếng Việt để hiểu tổng quan trước khi bắt đầu học bằng tiếng Anh			
3. Tăng cường giảng dạy kỹ năng mềm cho sinh viên			
4. Cần bổ sung những môn chuyên ngành và loại bỏ những môn đại cương không liên quan đến chuyên môn của ngành			
5. Do học bằng giáo sư nước ngoài nên rất ít thông tin về các đối tượng thủy sản ở đồng bằng sông Cửu Long.			
Sinh viên năm 3 (Khóa 37)			
1. Giờ giảng dạy của giảng viên ngắn, 2-3 tuần/môn học, sinh viên gặp khó khăn trong tiếp thu kiến thức			
2. Một số môn học ít liên quan đến chuyên ngành			
3. Các môn đại cương cần chuyển sang ứng dụng trong chuyên ngành như hóa phân tích ứng dụng thủy sản, sinh			

Ý kiến tổng hợp	Tỉ lệ	Xử lý của Trường/Khoa	Minh chứng
học ứng dụng...			
4. Cần được giới thiệu bằng Tiếng Việt để hiểu tổng quan về môn học trước khi bắt đầu học bằng tiếng Anh			
5. Tăng cường thực tập chuyên ngành			
Sinh viên năm 2 (Khóa 38)			
1. Môn học Kinh tế học đại cương cần được thay thế			
2. Tăng cường môn học Anh văn			
3. Tăng cường kiến tập về chuyên ngành			

<Sau khi thu thập các phiếu khảo sát, xử lý kết quả sẽ viết chi tiết vào mức độ hài lòng và những ý kiến đóng góp>

15.2 Ý kiến của sinh viên tốt nghiệp

Hiện NTTS TT có 20 sinh viên tốt nghiệp. Sinh viên tốt nghiệp được lấy ý kiến về chương trình đào tạo thông qua đánh giá mức độ hài lòng về chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy của giảng viên, công tác tư vấn/hỗ trợ sinh viên trong quá trình học (Exh. 15.3...), mức độ hài lòng về “Nhận xét lớp học phần” (Exh. 15.4_Phiếu đánh giá học phần + Bảng kết quả xử lý của TTĐBCL), phương tiện học tập, sự tham gia của sinh viên trong việc xây dựng chương trình đào tạo (Exh. 15.5. Biên bản Họp xây dựng CTĐT có đại diện của SV) và mức độ hài lòng chung về tổng thể CTĐT của sinh viên (Exh. 15.6_Phiếu Khảo sát và Bảng kết quả xử lý của TTĐBCL).

Kết quả khảo sát mức độ hài lòng của sinh viên tốt nghiệp về CTĐT được thể hiện qua Bảng 15.1 (Exh. 15.6):

Bảng 15.3: Mức độ hài lòng của sinh viên tốt nghiệp về chương trình đào tạo

Nội dung đánh giá	Mức độ					Trung bình
	1	2	3	4	5	
1. CTĐT nêu rõ kết quả học tập mong đợi.	7%	7%	7%	7%	7%	
2. CTĐT khuyến khích SV học tập (nghiên cứu).						
3. CTĐT phản ánh rõ yêu cầu của SV và xã hội.						
4. CTĐT cân đối kiến thức cơ sở và chuyên ngành.						
5. Chương trình chi tiết giúp SV và xã hội biết rõ CTĐT.						
6. Các học phần có sự kết hợp hài hòa trong CTĐT.						
7. SV được giảng viên giới thiệu phương pháp giảng dạy (PPGD) của mỗi học phần.						
8. PPGD giúp SV dễ hiểu lý thuyết và áp dụng thực hành.						
9. PPGD thích hợp giúp SV phát triển kỹ năng cá nhân.						
10. Phạm vi đánh giá SV (đầu vào, quá trình, đầu ra).						
11. GV đánh giá SV bằng nhiều hình thức.						
12. SV được biết rõ các tiêu chí đánh giá.						
13. Trường đánh giá toàn diện trên các mặt của CTĐT.						
14. Chính sách tuyển đầu vào của nhà trường rõ ràng.						
15. Nhà trường điều chỉnh học chế tín chỉ thích hợp.						
16. Kế hoạch và khối lượng thực học khớp với nhau.						
17. Hồ sơ SV được ghi nhận đầy đủ trong quá trình học tập.						

Nội dung đánh giá	Mức độ					Trung bình
	1	2	3	4	5	
18. Hiệu quả tư vấn - hỗ trợ SV.						
19. Giảng đường học lý thuyết thích hợp.						
20. Việc sử dụng thiết bị thích hợp.						
21. Việc sử dụng nguồn học liệu thích hợp.						
22. Trường định kỳ đánh giá hiệu quả CTĐT.						
23. Trường điều chỉnh định kỳ CTĐT.						
24. SV hài lòng "Nhận xét lớp học phần".						
25. Nhận xét của SV được tham khảo để cải tiến học phần.						
26. Đại diện SV được tham gia xây dựng CTĐT (gián tiếp).						
27. Mức độ SV đạt được kết quả học tập mong đợi. (mục tiêu đào tạo)						
28. Mức độ CTĐT thảo mãn yêu cầu nghề nghiệp.						
29. SV nhận xét chung về chương trình đào tạo đã học.						
30. SV có việc làm sau khi TN. (1. Có - 2. Không)						
31. SV có làm việc đúng ngành học. (1.Có - 2. Không)						
32. Sinh viên có nhu cầu học ở bậc cao hơn. (1. Có - 2. Không)						

Ghi chú: 1: Rất chưa hài lòng; 2: Chưa hài lòng; 3: Hài lòng; 4: Rất hài lòng; 5: Xuất sắc

<Sau khi xử lý kết quả sẽ viết chi tiết vào mức độ hài lòng và những ý kiến đóng góp. Hiện đã Thu thập được 20/20 phản hồi từ SVTN>

15.3 Phản hồi từ cựu sinh viên

Trong 29/30 (1 sinh viên chưa tốt nghiệp) cựu sinh viên thì:

- + 04 CSV đang theo học ngành 2 tại Trường Đại học Cần Thơ
- + 09 CSV đang làm việc tại Cơ quan Nhà nước
- + 01 CSV xuất khẩu lao động tại Dubai

- + 02 chưa đi làm
- + 04 CSV đang học Thạc sĩ tại Malaysia và Thái Lan
- + 08 CSV làm việc tại các Công ty thuốc thú y Thủy sản
- + 01 CSV tự kinh doanh tư nhân về thuốc thú y thủy sản

Khoa và Trường mối liên hệ tốt với cựu sinh viên, kết quả khảo sát mức độ hài lòng của 23/30 Cựu sinh viên được thể hiện qua **Bảng 15.4 (Exh. 15.7_ Phiếu khảo sát cựu sinh viên + Bảng kết quả xử lý của TTĐBCL)**

Bảng 15.4: Mức độ hài lòng của Cựu sinh viên về chương trình đào tạo

Nội dung đánh giá	Mức độ					Trung bình
	1	2	3	4	5	
1. Khả năng vận dụng kiến thức trong công việc.	?%	?%	?%	?%	?%	
2. Khả năng quản lý công việc						
3. Khả năng giao tiếp (đàm phán).						
4. Nhạy bén với môi trường làm việc						
5. Kiến thức cơ sở và chuyên ngành cần đổi						
6. Năng lực nghiên cứu.						
7. Năng lực học tập ở bậc cao hơn.						
8. Trách nhiệm trong chuyên môn.						
9. Tinh thần cầu tiến trong chuyên môn						
10. Tác phong làm việc						
11. Trách nhiệm với đồng nghiệp.						
12. Tuân thủ chủ trương - pháp luật NN						
13. Anh/Chị được định hướng nghề nghiệp.						
14. Anh/Chị tạo dựng được uy tín cho "SV ĐHCT".						
15. Chất lượng CTĐT đáp ứng yêu cầu của cơ quan.						
16. Anh/Chị hài lòng về tổ chức giảng dạy CTĐT.						
17. Anh/Chị hài lòng về phương thức giảng dạy.						
18. PPGD dễ hiểu và khuyến khích SV						

Nội dung đánh giá	Mức độ					Trung bình
	1	2	3	4	5	
năng động.						
19. Giảng viên gắn kết lý thuyết với thực tế chuyên môn.						
20. Hình thức đánh giá chất lượng SV phù hợp.						
21. Anh/Chị hài lòng về hệ thống học chế tín chỉ.						
22. Hệ thống tư vấn hỗ trợ sinh viên.						
23. Anh/Chị hài lòng về học liệu - học cụ thí nghiệm.						
24. Anh/Chị hài lòng tham gia xây dựng CTĐT.						
25. Anh/Chị hài lòng tham gia hướng nghiệp cho SV.						
26. Anh/Chị hài lòng tham gia quảng bá về ĐHCT.						
27. Mối liên hệ giữa Anh/Chị với Trường ĐHCT hiện nay.						
28. Anh/Chị nhận xét chung về nội dung trên.						

Ghi chú: 1: Rất chưa hài lòng; 2: Chưa hài lòng; 3: Hài lòng; 4: Rất hài lòng; 5: Xuất sắc

<Sau khi xử lý kết quả sẽ viết chi tiết vào mức độ hài lòng. Hiện đã Thu thập được 23/30 phản hồi từ Cựu sinh viên>

Ý kiến phản hồi và mức độ hài lòng của cựu sinh viên được thu thập, xử lý và được gửi đến các đơn vị có liên quan như Trường Khoa, Bộ môn quản lý ngành để đánh giá và đưa ra giải pháp cải thiện chất lượng đào tạo (**Exh. 15.8. Biên bản họp nâng cao chất lượng đào tạo ngành NTTS Tiên tiến???**).

15.4 Phản hồi từ thị trường lao động

Thị trường lao động bao gồm các nhà sử dụng lao động trong và ngoài nước. Đối với nhà tuyển dụng lao động trong nước bao gồm các Cơ quan nhà nước và các công ty tư nhân. Đối với nhà tuyển dụng lao động ngoài nước bao gồm các giảng viên hướng dẫn trực tiếp sinh viên đang theo học ở bậc cao hơn ở nước sở tại (4 sinh viên).

Kết quả khảo sát cho thấy rằng các nhà tuyển dụng lao động trong nước đánh giá cao khả năng vận dụng kiến thức, khả năng ngoại ngữ, đáng ứng tốt công việc được giao (Exh. 15.9_Phiếu khảo sát Nhà SDLD và Bảng kết quả xử lý của TTĐBCL). Năng lực về tin học, ngoại ngữ, tinh thần cầu tiến trong chuyên môn, năng lực nghiên cứu được các nhà tuyển dụng lao động đánh giá là những thế mạnh của sinh viên tốt nghiệp (??% NSDLĐ). Một số ít nhà tuyển dụng lao động chưa hài lòng về... của sinh viên (chiếm ???%) (Exh. 15.9_Phiếu khảo sát Nhà SDLD và Bảng kết quả xử lý của TTĐBCL).

Kết quả khảo sát về mức độ hài lòng về chương trình đào tạo và đánh giá sinh viên của các nhà tuyển dụng lao động trong nước được thể hiện qua Bảng 15.5.

Bảng 15.5: Mức độ hài lòng của các nhà tuyển dụng lao động tại Việt Nam về chương trình đào tạo và năng lực của sinh viên đáp ứng công việc tại cơ quan

Nội dung đánh giá	Mức độ					Trung bình
	1	2	3	4	5	
1. Khả năng vận dụng kiến thức trong công việc.	??%	??%	??%	??%	??%	
2. Khả năng làm việc độc lập.						
3. Khả năng làm việc nhóm.						
4. Khả năng lập kế hoạch hoạt động chuyên môn.						
5. Khả năng giao tiếp (đàm phán)						
6. Nhạy bén với môi trường làm việc thay đổi.						
7. Kiến thức cơ sở và chuyên ngành cân đối.						
8. Năng lực về tin học.						
9. Năng lực ngoại ngữ.						
10. Năng lực nghiên cứu (cải tiến - sáng kiến).						
11. Năng lực học tập ở bậc cao hơn.						
12. Hạnh kiểm.						
13. Trách nhiệm trong chuyên môn.						
14. Tinh thần cầu tiến trong chuyên môn.						
15. Tác phong làm việc.						
16. Trách nhiệm với đồng nghiệp.						
17. Tuân thủ chủ trương - pháp luật của Nhà nước.						

Nội dung đánh giá	Mức độ					Trung bình
	1	2	3	4	5	
18. Số SVTN của ĐHCT đang làm việc ở cơ quan/Cty: 1 - Từ 1 - 20; 2 - Từ 21 - 40; 3 - Từ 41 - 60; 4 - Từ 61 - 80; 5 - Hơn 80.						
19. Người lao động (NLĐ) được định hướng nghề nghiệp.						
20. Chất lượng CTĐT thỏa mãn yêu cầu cơ quan.						
21. Kiến thức NLĐ sâu và rộng.						
22. Kiến thức NLĐ chắc về lý thuyết.						
23. Kiến thức NLĐ vững trong thực hành.						
24. Khả năng NLĐ giải quyết công việc tốt.						
25. NLĐ tạo dựng được uy tín cho "SV ĐHCT".						
26. Sự hài lòng SV ĐHCT thực tập khi tại cơ quan.						
27. Sự hài lòng khi được mời tham gia xây dựng CTĐT.						
28. Sự hài lòng tham gia hướng nghiệp SV.						
29. Hài lòng làm chuyên gia trong ngành (nghề) đào tạo.						
30. Hài lòng khi làm thành viên của Hội Người sử dụng người lao động.						
31. Trường ĐHCT gắn kết với cơ quan						
32. Nhận xét chung về tất cả nội dung trên.						

Ghi chú: 1: Rất chưa hài lòng; 2: Chưa hài lòng; 3: Hài lòng; 4: Rất hài lòng; 5: Xuất sắc

<Sau khi xử lý kết quả xử lý từ TT KBĐCL sẽ viết chi tiết vào mức độ hài lòng>

Đối với nhà sử dụng lao động ngoài nước, ??% nhà tuyển dụng lao động đánh giá cao năng lực ngoại ngữ, khả năng tích ứng trong công việc, có chuyên môn tốt đáp ứng được yêu cầu học tập của chương trình đào tạo bậc cao hơn (Exh. 15.10_Phiếu khảo sát Nhà SDLĐNN và Bảng kết quả xử lý của TTĐBCL). Kết quả khảo sát về mức độ hài lòng về chương trình đào tạo và đánh giá sinh viên của các nhà tuyển dụng lao động trong nước được thể hiện qua [Bảng 15.6](#).

Bảng 15.6: Mức độ hài lòng của các nhà sử dụng lao động tại nước ngoài về năng lực của sinh viên đáp ứng công việc

	Không rõ	Rất chưa hài lòng	Chưa hài lòng	Hài lòng	Rất hài lòng	Xuất sắc
	1	2	3	4	5	6
Đặc điểm cá nhân, nhân cách/đạo đức						
1. Sự thận trọng trong công việc	?%	?%	?%	?%	?%	?%
2. Trách nhiệm trong công việc						
3. Đạo đức						
4. Khả năng sáng kiến và sự tự tin trong công việc						
5. Sự cần cù trong công việc						
6. Khả năng chủ đạo/lãnh đạo trong công việc						
7. Khả năng làm việc nhóm						
8. Khả năng làm việc dưới điều kiện áp lực cao						
Năng lực kiến thức						
9. Trí nhớ về các thông tin liên quan	?%	?%	?%	?%	?%	?%
10. Khả năng phân tích vấn đề						
11. Khả năng phán đoán						
12. Khả năng giải quyết vấn đề						
13. Thái độ trong công việc						
14. Khả năng sáng tạo trong công việc						
Năng lực chuyên môn – Thực hiện thí nghiệm						
15. Có chuyên môn tốt, đáp ứng được công việc chuyên môn	?%	?%	?%	?%	?%	?%
Kỹ năng giao tiếp						
16. Kỹ năng báo cáo, giao tiếp trước đám đông – Tiếng Anh	?%	?%	?%	?%	?%	?%
17. Kỹ năng báo cáo, giao tiếp trước đám đông – Tiếng Việt						
18. Kỹ năng viết bằng Tiếng						

	Không rõ	Rất chưa hài lòng	Chưa hài lòng	Hài lòng	Rất hài lòng	Xuất sắc
	1	2	3	4	5	6
Anh						
19. Kỹ năng viết bằng Tiếng Việt						

<Hiện nay có 4 nhà sử dụng lao động nước ngoài (4 cựu sinh viên đang học Master tại Malaysia và Thái Lan)>